



MỤC LỤC

PHẦN I. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN CỦA TỔ CHỨC	1
PHẦN II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN.....	5
2.1. Vị trí và tên gọi.....	6
2.1.1. Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.....	6
2.1.2. Tên giao dịch của Viện	6
2.1.3. Trụ sở chính của Viện	6
2.1.4. Trụ sở các chi nhánh	6
2.1.5. Ban lãnh đạo Viện	7
2.1.6. Bộ máy tổ chức	9
2.1.7. Tên cơ quan chủ quản	10
2.2. Chức năng.....	10
2.3. Nhiệm vụ	10
2.4. Chính sách chất lượng	12
2.5. Quá trình hình thành và phát triển	13
2.6. Thành tích khen thưởng	14
PHẦN III. NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM TƯ VẤN.....	15
3.1. Giới thiệu chung.....	16
3.2. Lý lịch khoa học của Viện Trưởng	16
3.3. Năng lực về kinh nghiệm	17
3.4. Năng lực về nhân sự.....	20
3.5. Năng lực về cơ sở vật chất, thiết bị máy móc	21
3.6. Năng lực về tài chính	32



VIỆN ĐÀO TẠO VÀ KHOA HỌC ỨNG DỤNG MIỀN TRUNG

Trụ sở chính : 115 Trần Phú, TP. Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận

ĐT: 0259.3823027 – Fax: 0259.3823027 - Email: vdtkh@tlu.edu.vn

PHẦN I

TƯ CÁCH PHÁP NHÂN CỦA TỔ CHỨC



VIỆN ĐÀO TẠO VÀ KHOA HỌC ỨNG DỤNG MIỀN TRUNG là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo:

- + Luật giáo dục của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 38/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- + Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/06/2013;
- + Luật Tài chính;
- + Nghị định 84/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
- + Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
- + Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- + Điều lệ trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ Tướng Chính phủ;
- + Chiến lược phát triển trường Đại học Thủy lợi giai đoạn 2006 – 2020;
- + Các văn bản khác có liên quan.

Trong hoạt động của mình, Viện có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Trường Đại học Thuỷ lợi và các điều khoản của Điều lệ Tổ chức và hoạt động.

Viện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản riêng bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ tại kho bạc nhà nước và ngân hàng để hoạt động và giao dịch theo đúng quy định của pháp luật.

* Tài khoản trong nước: **490021100013201**, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Ninh Thuận.

* Mã số thuế: **4500144335**

* Các loại giấy phép hành nghề:

1). Quyết định thành lập tổ chức KH&CN số: 1745-QĐ/TC ngày 24/11/1976 của Bộ trưởng Bộ Thuỷ Lợi (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) V/v thành lập Đoàn ĐH2;

2). Quyết định đổi tên tổ chức KH&CN số: 598 QĐ/TC ngày 08/12/1986 của Bộ Thuỷ Lợi (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) V/v thành Trung tâm ĐH2;

3). Quyết định thành lập số: **2761/QĐ-BNN-TCCB** ngày **11/11/2011** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT V/v thành lập **Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung**;



4). Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định thành lập tổ chức số: **4615/QĐ-BNN-TCCB** ngày **09/11/2016** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT V/v Sửa đổi, bổ sung **Quyết định số 2761/QĐ-BNN-TCCB** ngày **11/11/2011** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành lập Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung trực thuộc Trường Đại học Thủy lợi;

5). Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh tổ chức khoa học và công nghệ số 4300002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 12/12/2016;

6). **Chứng chỉ Năng lực Hoạt động xây dựng số NIT – 00004110** do Sở Xây Dựng tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 11/05/2018;

7). Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số 1469 do Cục đo đạc và bản đồ Việt Nam cấp ngày 07/12/2016;

8). Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-412 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 24/08/2005;

9). Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-412 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 19/07/2010;

10). Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-412 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 28/12/2011;

11). **Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-412** do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 07/03/2017;

12). Quyết định số 603/QĐ-BXD ngày 09/11/2015 của Bộ Xây dựng Về việc công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 1548.

13). **Quyết định số 112-2017/QĐ-ABSC** ngày 02/11/2017 của Tổ chức Chứng nhận ABS Về việc cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng.

14). Ảnh chụp công bố năng lực Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, ngày đăng ký 07/07/2016.



The screenshot shows the homepage of the Ninh Thuan Construction Department's website. At the top, there are logos for IEAS, ABS, and XD LAS 1548. The main header features the emblem of Vietnam and the text "SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH THUẬN". Below the header, a navigation bar includes links for Trang chủ, Liên hệ, and Sơ đồ Web. The date and time are displayed as Thứ Bảy 7/10/2017 16:15:43. A search bar is also present. The main content area has a title "» THÔNG TIN NĂNG LỰC" and a sub-section "Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung". The article is dated 13/09/2017 and includes links for "File đính kèm", "In bài", and "Gửi cho bạn bè". A sidebar on the right is titled "TIN MỚI NHẤT" and lists several news items. A blue box labeled "THỦ TỤC HÀNH CHÍNH" is visible at the bottom right.

Hình 1.1. Ảnh chụp công bố năng lực Viện từ trang web Sở XD Ninh Thuận

The screenshot shows the bidding system of the National Planning and Investment Ministry. The top navigation bar includes links for Đăng ký, Đăng nhập, Hướng dẫn sử dụng, Thống kê, e-GP, Site map, and English. The main content area displays a search bar with "Nhập từ khóa chính xác để tìm kiếm thông tin" and a search button "TÌM KIẾM". The date is shown as Ngày 12/6/2017 13:54:49. A blue box highlights "Danh sách nhà thầu được phê duyệt". The search results table shows a single entry for the Central Institute of Technology and Science (Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung) with details: Số ĐKKD 4500144335, Địa chỉ 115 Trần Phú, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Ngày phê duyệt 07/07/2016, and Trạng thái Đã nộp chi phí. Logos for KOICA, Samsung SDS, and Samsung are visible at the bottom.

Hình 1.2. Ảnh chụp tên tổ chức trên Hệ thống đấu thầu quốc gia

* Viện trưởng:

+ Họ và tên: Mai Quang Khoát	Điện thoại: VF: 0252.3839849 NR: 0252.3839357
+ Chức danh: Chuyên viên	ĐĐ: 0903.334469
+ Học hàm, học vị: ThS	Email: maiquangkhoat@tlu.edu.vn



PHẦN II

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN



2.1. Vị trí và tên gọi

2.1.1. Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung

Là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Thuỷ lợi được thành lập trên cơ sở tổ chức, sáp xếp lại Trung tâm ĐH2 (Trung tâm kết hợp Đào tạo, Nghiên cứu và Thực hành Khoa học kỹ thuật Thuỷ lợi tại Trung Bộ) và tăng cường nguồn lực từ Trường Đại học Thuỷ lợi để kết hợp giữa công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ sản xuất, liên danh, liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế,..., trong các lĩnh vực chuyên môn của Trường Đại học Thuỷ lợi theo quy định của pháp luật.

Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung (sau đây gọi tắt là Viện) là đơn vị có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại Kho bạc hoặc Ngân hàng Nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Tên giao dịch của Viện

Tên tiếng Việt: **Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung (VĐTKH).**

Tên tiếng Anh: **INSTITUTE OF EDUCATION AND APPLIED SCIENCES CENTRAL VIETNAM (IEAS).**

2.1.3. Trụ sở chính của Viện

1) Trụ sở chính: Số 115 Trần Phú, TP Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại: 0259.3823027; Fax: 0259.3823027.

Email: vdtkh@tlu.edu.vn

Website: <http://vdtkh.tlu.edu.vn>

2) Khu đào tạo: Số 74 Yên Ninh, TP Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại: 0259.2221522; Fax: 0259.3890224.

2.1.4. Trụ sở các chi nhánh

+ Chi nhánh Lâm Đồng tại số 7 Thủ Khoa Huân, TP Đà Lạt;

Điện thoại: 0263.3822096; Fax: 0263.3822096

+ Chi nhánh Bình Định tại số 124 Ngô Mây, TP Quy Nhơn;

Điện thoại: 0256.3525190; Fax: 0256.3525190

+ Chi nhánh Bình Thuận tại số 121 Trần Hưng Đạo, TP Phan Thiết.

Điện thoại: 0252.3839849; Fax: 0252.3839849



2.1.5. Ban lãnh đạo Viện

Viện trưởng: ThS Mai Quang Khoát

ĐT: (0252).3839849

ĐĐ: 0903.334469

Email: maiquangkhoat@tlu.edu.vn



Phó Viện trưởng: ThS Bùi Anh Dũng

ĐT: (0259).3824384

ĐĐ: 0913.696.431

Email: buianhdung@tlu.edu.vn



Phó Viện trưởng: ThS Đỗ Cảnh Hào

ĐT: (0256).3525190

ĐĐ: 0913.440974

Email: haodh2@tlu.edu.vn



Phó Viện trưởng: ThS Đỗ Xuân Tình

ĐĐ: 0982.124.650

Email: tinhdx@tlu.edu.vn



Giám đốc Trung tâm tư vấn & Chuyên giao công nghệ

ThS Đoàn Văn Hướng

ĐĐ: 0982.243.575

Email: huongdv@tlu.edu.vn



**Giám đốc CN Lâm Đồng:****ThS Trần Văn Vững**

ĐĐ: 0978.393.139

Email: travung@tlu.edu.vn**P.Giám đốc CN Lâm Đồng:****KS Nguyễn Thị Sen**

ĐĐ: 0983.705.560

Email: sennguyenth@tlu.edu.vn**P.Giám đốc CN Bình Định:****ThS Đặng Khoa Thi**

ĐĐ: 0914.468.618

Email: thidk@tlu.edu.vn**P.Giám đốc CN Bình Thuận:****KS Nguyễn Công Thành**

ĐĐ: 0982.827.719

Email: nguyencongthanh@tlu.edu.vn**Trưởng phòng Tài chính kế toán:****CN Phan Tiến Dũng**

ĐĐ: 0987.284.057

Email: dungpt@tlu.edu.vn

Trưởng phòng Tổ chức hành chính kiêm Trưởng phòng Thí nghiệm tổng hợp:**ThS Đinh Xuân Anh**

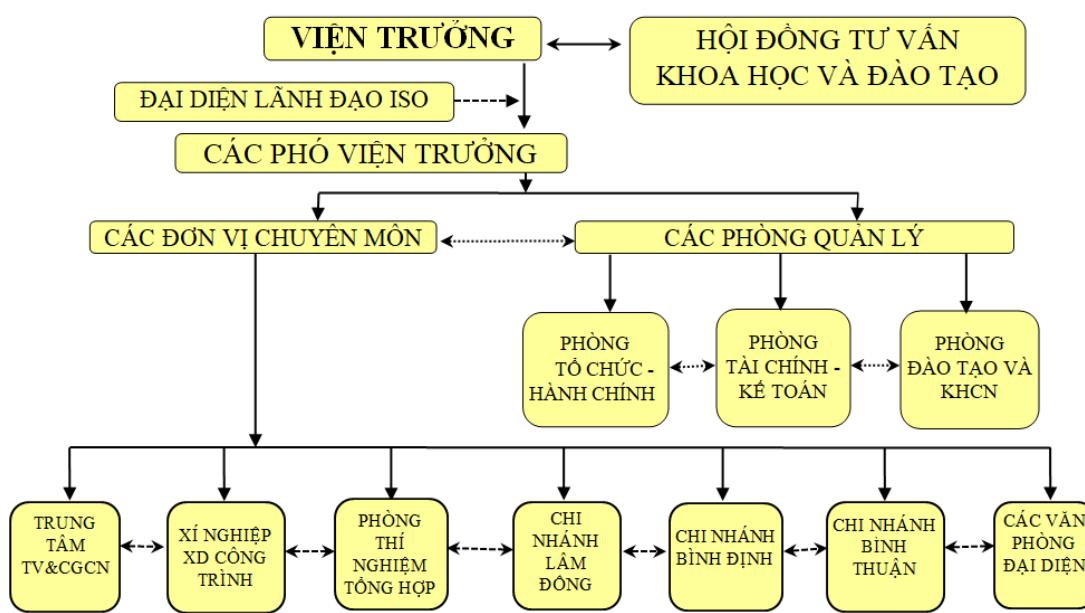
ĐĐ: 0983.501.808

Email: anhdx@tlu.edu.vn

**Trưởng phòng Đào tạo và Khoa học công nghệ:****ThS Bùi Ngọc Anh**

ĐĐ: 0915.108.865

Email: anhdh2@tlu.edu.vn

**2.1.6. Bộ máy tổ chức****SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VIỆN****SOZO****Cán bộ lãnh đạo các phòng quản lý:**

1. ThS Đinh Xuân Anh – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính kiêm trưởng phòng Thí nghiệm tổng hợp.
2. CN Phan Tiến Dũng – Trưởng phòng Tài chính Kế toán
3. ThS Bùi Ngọc Anh – Trưởng phòng Đào tạo và Khoa học công nghệ



Cán bộ lãnh đạo các đơn vị chuyên môn:

1. ThS Mai Quang Khoát – Viện trưởng kiêm Giám đốc Chi nhánh Bình Thuận
2. ThS Đỗ Cảnh Hào – P.Viện trưởng kiêm Giám đốc Chi nhánh Bình Định
3. ThS Đoàn Văn Hướng – Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Chuyển giao công nghệ.
4. ThS Trần Văn Vững – Giám đốc Chi nhánh Lâm Đồng

2.1.7. Tên cơ quan chủ quản

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Địa chỉ trụ sở chính: 175 Phố Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024.38522201;

Fax: 024.35633351

Email: ttth@tlu.edu.vn

Website:<http://www.tlu.edu.vn>

2.2. Chức năng

Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung là cơ sở của Trường Đại học Thủy lợi (sau đây gọi tắt là "Trường") tại miền Trung và Tây Nguyên có chức năng: đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ tư vấn, liên danh, liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế,..., trong các lĩnh vực chuyên môn của Trường Đại học Thủy lợi và phục vụ sản xuất tại các địa phương nhằm thực hiện tốt phuong châm: đào tạo kết hợp với nghiên cứu khoa học và thực hành sản xuất để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

2.3. Nhiệm vụ

Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung có các nhiệm vụ sau:

1. Về đào tạo: Tổ chức đào tạo các bậc đại học, cao đẳng và sau đại học theo các hình thức chính quy, vừa làm vừa học và ngắn hạn với các ngành và chuyên ngành của Trường Đại học Thủy lợi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.

2. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

a) Xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế, xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khu vực Miền Trung và Tây Nguyên thuộc nhiệm vụ của Trường Đại học Thủy lợi, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định pháp luật.

b) Thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật, gồm:

- Quy hoạch phát triển và quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước ở các lưu vực, tiểu lưu vực sông, vùng, lãnh thổ trong khu vực;

- Khí tượng, thủy văn; môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu; tác động của biến đổi khí hậu đối với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;



- Công nghệ dự báo, giám sát, cảnh báo và các giải pháp phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (hạn hán, bão lụt, lũ quét, trượt lở đất, xói lở bờ sông, bờ biển);

- Kết cấu công trình, địa kỹ thuật, vật liệu và công nghệ xây dựng; lập các dự án sản xuất thử nghiệm, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về kết cấu công trình, địa kỹ thuật, vật liệu và công nghệ xây dựng trong lĩnh vực thủy lợi, thủy điện, giao thông; xây dựng dân dụng và công nghiệp; cơ sở hạ tầng nông thôn;

- Kỹ thuật xử lý nước, kỹ thuật môi trường; nghiên cứu môi trường đất, nước ở các vùng, lưu vực sông, hệ thống thủy lợi; đánh giá tác động môi trường chiến lược của các dự án đầu tư;

- Mô hình quản lý nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống thủy lợi và hệ thống cấp nước (bao gồm các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế);

- Tham gia xây dựng các tiêu chuẩn, định mức hướng dẫn về thiết kế, thi công và quản lý khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;

- Công cụ tính toán trong khảo sát, thiết kế, lập kế hoạch xây dựng và quản lý khai thác công trình (khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, tính toán thủy lực, thủy nông, địa kỹ thuật, kết cấu công trình, kỹ thuật vật liệu, lập tiến độ thi công).

3. Tư vấn, dịch vụ theo quy định của pháp luật thuộc các lĩnh vực sau đây:

a) Điều tra cơ bản, lập quy hoạch, khảo sát đo đạc và bản đồ; khảo sát địa chất công trình; địa chất thủy văn; báo cáo đánh giá tác động môi trường; lập dự án đầu tư xây dựng; lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thiết kế kỹ thuật; thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình thuộc các lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn; hạ tầng kỹ thuật; xây dựng dân dụng và công nghiệp; giao thông phù hợp năng lực của Viện theo quy định của pháp luật;

b) Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; giám sát thi công xây dựng công trình; giám sát khảo sát xây dựng; tư vấn kiểm định chất lượng, kiểm tra an toàn công trình xây dựng; thí nghiệm tổng hợp, thí nghiệm chuyên ngành; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; tư vấn đấu thầu công trình thuộc các lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn; hạ tầng kỹ thuật; xây dựng dân dụng và công nghiệp; giao thông phù hợp năng lực của Viện theo quy định của pháp luật;

c) Thi công các công trình xây dựng có áp dụng tiến bộ công nghệ của Viện thuộc lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn; hạ tầng kỹ thuật; xây dựng dân dụng và công nghiệp; giao thông phù hợp năng lực của Viện theo quy định của pháp luật.

4. Hợp tác trong nước và quốc tế

Liên danh, liên kết với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp các dịch vụ tư vấn và đầu tư thuộc nhiệm vụ của Viện theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh thuộc nhiệm vụ của Viện theo quy định của pháp luật

6. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực nghiên cứu thuộc nhiệm vụ của Viện theo quy định của pháp luật.

7. Quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, kinh phí, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền giao.

2.4. Chính sách chất lượng

VIỆN ĐÀO TẠO VÀ KHOA HỌC ỨNG DỤNG MIỀN TRUNG CAM KẾT:

- Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ tư vấn hoạt động xây dựng;
- Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và khoa học có đủ khả năng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;
- Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 có hiệu quả.

KIM CHỈ NAM CHO MỌI HOẠT ĐỘNG:

- Tạo môi trường và động lực để mọi thành viên làm việc năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và cạnh tranh lành mạnh;
- Tiết kiệm chi phí và tăng trưởng bền vững;
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên./.



Lễ đón nhận Viện ĐT&KHUD MT được cấp chứng chỉ chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng bởi Tổ Chức Chứng Nhận ABS



2.5. Quá trình hình thành và phát triển

“Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung” được thành lập theo Quyết định số 2761/QĐ-BNN - TCCB ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tiền thân là Trung tâm ĐH2.

Tiền thân của Trung Tâm ĐH2 là “Đoàn khảo sát, Quy hoạch, thiết kế thuỷ lợi Miền Nam” được thành lập theo Quyết định số 494-QĐ/TC ngày 1/4/1976 của Bộ Thuỷ Lợi (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Ngày 24/11/1976 Bộ trưởng Bộ Thuỷ Lợi có Quyết định số 1745-QĐ/TC giải thể “Đoàn khảo sát, Quy hoạch, thiết kế thuỷ lợi Miền Nam” để thành lập 2 đoàn khảo sát thiết kế, quy hoạch Tây Nam bộ và cực Nam Trung bộ trực thuộc Bộ, lấy tên là Đoàn ĐH1, Đoàn ĐH2. Đoàn ĐH2 có nhiệm vụ làm Quy hoạch và khảo sát thiết kế các công trình Thuỷ lợi ở vùng cực Nam Trung bộ. Văn phòng của Đoàn ĐH2 đặt tại thị xã Phan Rang, tỉnh Thuận Hải (nay là TP Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận).

Ngày 8/12/1986 Bộ trưởng Bộ Thuỷ Lợi có Quyết định số 598 QĐ/TC V/v đổi tên cơ sở nghiên cứu (Đoàn ĐH2) thành Trung tâm kết hợp đào tạo, nghiên cứu và thực hành khoa học kỹ thuật thuỷ lợi tại Trung bộ (gọi tắt là Trung Tâm ĐH2).

Ngày 12/5/1987 Hiệu trưởng Trường Đại học Thuỷ lợi ra Quyết định số 99 QĐ/TC V/v ban hành "Quy định về tổ chức và hoạt động của các Trung tâm ĐH1, Trung Tâm ĐH2".

Trước tình hình mới, ngày 12/03/2008, Hiệu trưởng Trường Đại học Thuỷ lợi đã phê duyệt “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm ĐH2” tại Quyết định số 165/QĐ-DHTL.

Sau khi có quyết định thành lập Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung, Hiệu trưởng Trường Đại học Thuỷ lợi ra Quyết định số 19/QĐ-DHTL ngày 05/01/2012 V/v phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện.

Để thích ứng hoàn cảnh mới, ngày 15/11/2016 Hiệu trưởng Trường Đại học Thuỷ lợi ra Quyết định số 2875/QĐ-DHTL ngày 15/11/2016 V/v ban hành "Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện."

Qua 40 năm xây dựng và phát triển, Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung đã không ngừng mở rộng địa bàn hoạt động, mở rộng hình thức và quy mô đào tạo, mở rộng lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ và phục vụ sản xuất. Ngày càng hoàn thiện đội ngũ cán bộ quản lý và tổ chức bộ máy. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, kỹ sư của Viện không ngừng được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập và chuyển giao công nghệ ngày càng được Nhà trường đầu tư hiện đại, đáp ứng xu thế phát triển trong giai đoạn mới.



Bảng 2.1 Số năm kinh nghiệm làm các công tác NCKH và TVCGCN của Viện

TT	Lĩnh vực	Số năm kinh nghiệm
1	Thiết kế quy hoạch Thủy lợi, Thủy điện, Nước SHNT	40
2	Lập Dự án đầu tư xây dựng, Báo cáo KTKT các lĩnh vực Thủy lợi, Thủy điện, Nước SHNT	40
3	Lập Dự án ĐTXD, Báo cáo KTKT các lĩnh vực giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng	10
4	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT hệ thống tưới, tiêu	40
5	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT nhà máy thủy điện	40
6	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT hồ chứa	40
7	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT đập dâng	40
8	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT trạm bơm	40
9	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT công trình lấy nước	40
10	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT đê, kè sông, kè biển	40
11	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT hệ thống cáp, thoát nước	30
12	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT đồng muối công nghiệp	30
13	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT khu nuôi trồng thuỷ sản	30
14	Lập TKKT+TDT, BVTC+DT các công trình giao thông, xây dựng và kỹ thuật hạ tầng	10
15	Thi công, GS thi công các CT Thủy lợi, nước SHNT, đồng muối công nghiệp, Thủy sản	30
16	Thi công, GS thi công đê, kè sông, kè biển	30

2.6. Thành tích khen thưởng

Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung có nhiều thành tích đáng tự hào, đã được Đảng, Nhà nước, Bộ chủ quản và các địa phương đánh giá cao, ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý:

- Huân chương lao động hạng Ba năm 1989; hạng Hai năm 1996; hạng Nhất năm 2003;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ năm 2011;
- Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT năm 2006; 2009;
- Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu năm 1992; tỉnh Sông Bé năm 1993; tỉnh Bình Phước năm 1997; tỉnh Bình Thuận năm 2000; tỉnh Ninh Thuận năm 2001, 2009, 2010, 2015, 2016;
- Cờ luân lưu của Bộ Nông nghiệp & PTNT năm 2001; 2006.
- Được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận tặng bằng khen về thành tích thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế năm 2009, 2014. Được Tổng cục trưởng Tổng cục thuế tặng giấy khen về thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2010, 2011, 2012.



PHẦN III

NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM TU' VĂN



3.1. Giới thiệu chung

1. Viện có đội ngũ cán bộ trên 80 người, trong đó có cán bộ chuyên môn thuộc nhiều lĩnh vực như sau: Công trình, Tưới tiêu, Cải tạo đất, Thuỷ văn, Đánh giá tác động môi trường, Tính toán hiệu quả kinh tế dự án đầu tư, Cơ điện, Định giá xây dựng ...v.v...

Có đội ngũ các giáo viên ở các bộ môn chuyên môn, có các kỹ sư tại các Trung tâm TV&CGCN, các Viện và Công ty TNHH Tư vấn Trường Đại học Thủy lợi là các cộng tác viên của Viện, trong đó có nhiều chuyên gia đầu ngành.

2. Viện có đầy đủ trang thiết bị, máy móc văn phòng, các phần mềm tính toán để triển khai công việc chuyên môn theo yêu cầu đào tạo và hoạt động KHCN và có phòng thí nghiệm tổng hợp, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 1548 để thực hiện các công tác chuyên môn.

Ngoài ra, Viện cũng được sử dụng các phòng thí nghiệm của Nhà trường cho công tác chuyển giao công nghệ. Hiện nay Nhà trường có các phòng thí nghiệm được trang bị hiện đại như: phòng thí nghiệm Thuỷ lực tổng hợp, phòng thí nghiệm Hóa học, phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật, phòng thí nghiệm Sức bền vật liệu.....

3.2. Lý lịch khoa học của Viện Trưởng

+ Họ và tên: Mai Quang Khoát	Điện thoại: VF: 0252.3839849 NR: 0252.3839357
+ Chức danh: Chuyên viên	ĐĐ: 0903.334469
+ Học hàm, học vị: ThS	Email: mai(quangkhoat@tlu.edu.vn)

+ Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

+ Quá trình đào tạo:

Từ tháng/năm đến Tháng/năm	Ngành nghề đào tạo (Đại học và sau đại học)	Nơi đào tạo (tên trường, nước)
1993÷1998	Đại học: Ngành Kỹ thuật tài nguyên nước	Đại học Thủy lợi – Việt Nam
2010÷2012	Cao học: Ngành Công trình	Đại học Thủy lợi – Việt Nam

+ Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Chức vụ công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Nơi công tác
Từ 05/1998 đến 01/2000	Cán bộ kỹ thuật	Tư vấn thiết kế, khoa học công nghệ	Trung tâm ĐH2 – Trường Đại học Thủy lợi



Từ 02/2000 đến 07/2008	Trưởng VP Bình Thuận	Phụ trách công tác tư vấn thiết kế, khoa học công nghệ	Công ty TNHH Tư vấn Trường Đại học Thủy lợi
Từ 07/2008 đến 07/2011	P. Giám đốc CN Miền Trung	Phụ trách công tác tư vấn thiết kế, khoa học công nghệ	Công ty TNHH Tư vấn Trường Đại học Thủy lợi – CN Miền Trung
Từ 08/2011 đến 10/2016	P. Viện trưởng	Phụ trách công tác tư vấn thiết kế, khoa học công nghệ	Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung
Từ 10/2016 đến nay	Viện trưởng	Phụ trách công tác tư vấn thiết kế, khoa học công nghệ, công tác đào tạo	Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung

3.3. Năng lực về kinh nghiệm

Trường Đại học thuỷ lợi là trường đại học đầu tiên trong cả nước triển khai công tác đào tạo kết hợp nghiên cứu khoa học và phục vụ sản xuất từ 1975 trên phạm vi toàn quốc đến nay.

Viện đã thực hiện đúng phương châm giảng dạy gắn liền với thực tiễn sản xuất - Đào tạo gắn liền với NCKH và phục vụ sản xuất. Đây là mô hình 3 kết hợp rất sinh động và hiệu quả, thực hiện tốt phương châm giáo dục của Đảng trong các trường Đại học.

Các lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ và phục vụ sản xuất do Viện thực hiện đều mang tính thực tiễn cao, có ý nghĩa thiết thực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa của các địa phương. Hoạt động KHCN và phục vụ sản xuất triển khai khá tốt, có hiệu quả, có uy tín lớn. Tốc độ tăng trưởng khoảng 15% năm.

3.3.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học

TT	Tên đề tài/Dự án	Cấp	Thời gian	Chủ trì/Tham gia	Kết quả
1	Sơ đồ tưới hợp lý cho cây cà phê	Cấp Nhà nước 06.01.01 04	1985-1987	Chủ trì	Đã nghiệm thu, kết quả khá
2	Chế độ tưới và kỹ thuật tưới cho cây cà phê	Cấp Nhà nước 06.01.01 08	1985-1987	Chủ trì	Đã nghiệm thu, kết quả khá



3	Nghiên cứu tự động hóa tưới tiêu hệ thống Thủy nông Nha Trinh – Lâm Cầm tỉnh Ninh Thuận	Cấp Bộ	1996-1997	Chủ trì	Đã nghiệm thu, kết quả đạt
4	Nghiên cứu diển biến lòng dẫn ở hạ lưu các sông Miền Trung	Cấp Nhà nước KC-LĐ-95-12	1996-1998	Chủ trì	Đã nghiệm thu, kết quả khá
5	Nghiên cứu mô hình ứng dụng tiến bộ KHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2000-2002 tại Bình Định	Cấp Nhà nước	2000-2002	Chủ trì	Đã nghiệm thu, kết quả khá
6	Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi tôm sú thảm canh trên vùng cát ven biển tỉnh Bình Định	Cấp Tỉnh	2002	Tham gia, phối hợp cùng chủ nhiệm đề tài	Đã nghiệm thu, kết quả xuất sắc
7	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp ổn định các cửa sông ven biển miền Trung	Cấp Nhà nước KC.08.07/06-10	2007-2009	Tham gia, phối hợp cùng chủ nhiệm đề tài	Đã nghiệm thu, kết quả khá
8	Nghiên cứu đánh giá công tác quan trắc trong công trình đập bê tông hiện nay và đề xuất giải pháp đáp ứng yêu cầu thực tế và hiện đại hóa	Cấp Cơ sở	2008-2009	Tham gia, phối hợp cùng chủ nhiệm đề tài	Đã nghiệm thu, kết quả khá
9	Điều tra hiện trạng đê cửa sông và diển biến lòng dẫn vùng cửa sông các tỉnh ven biển miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận	Cấp Bộ	2008-2009	Tham gia, phối hợp cùng chủ nhiệm đề tài	Đã nghiệm thu, kết quả khá
10	Nghiên cứu, đề xuất mặt cắt ngang đê biển hợp lý và phù hợp với	Cấp Bộ	2009-2011	Tham gia, phối hợp cùng chủ	Đã nghiệm thu, kết quả khá



	điều kiện từng vùng từ Quảng Ngãi đến Bà Rịa – Vũng Tàu			nhiệm đề tài	
11	Nghiên cứu cơ sở khoa học và giải pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn các công trình xây dựng trong điều kiện thiên tai bất thường miền Trung	Cấp Bộ	2009-2011	Tham gia, phối hợp cùng chủ nhiệm đề tài	Đã nghiệm thu, kết quả khá
12	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số đặc trưng cơ lý ban đầu của bê tông đầm lăn đến tiến độ thi công đập bê tông trọng lực đầm lăn ở Việt Nam	Cấp Cơ sở	2012-2013	Chủ trì	Đã nghiệm thu, kết quả tốt
13	Xây dựng bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão tỉnh Phú Yên	Cấp Bộ	2016	Chủ trì	Đang thực hiện
14	Nghiên cứu xây dựng mô hình thu và lưu giữ nước phục vụ cấp nước sạch hiệu quả cho vùng khô hạn khan hiếm nước Ninh Thuận – Bình Thuận	Cấp Nhà nước	2015-2017	Tham gia, phối hợp cùng chủ nhiệm đề tài	Đang thực hiện

Đã và đang xây dựng quy trình vận hành một số hồ chứa tại các địa phương trong vùng miền Trung và Tây Nguyên, và tham gia phản biện một số đề tài nghiên cứu khoa học tại các sở Khoa học và Công nghệ Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên.

3.3.2. Về lĩnh vực tư vấn và chuyển giao công nghệ

Từ năm 1976 đến nay, Viện đã tham gia quy hoạch, khảo sát, lập dự án khả thi, thiết kế kỹ thuật, thi công và giám sát thi công hàng trăm công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn, nuôi trồng thuỷ sản, đồng muối công nghiệp, đê, kè sông, kè biển,....., tại các tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Lâm Đồng,...

Hoạt động KHCN và phục vụ sản xuất tại Viện triển khai tốt, có hiệu quả, có uy tín lớn tại các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên. Cụ thể:



- Năm 1986-1988, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về kết cấu Xi măng lưới thép vào các công trình: Kênh máng Bình Sơn, Phan Rang, Ninh Thuận; cầu máng Liên Khương, Lâm đồng;

- 10 dự án quy hoạch Thủy lợi, Lưu vực sông, Nước SHNT và điều tra cơ bản;
- 35 dự án NCKT, TKKT - BVTC và GS thi công về hồ chứa nước;
- 10 dự án NCKT, TKKT - BVTC và GS thi công về trạm bơm tưới, tiêu;
- 35 dự án NCKT, TKKT - BVTC và GS thi công về hệ thống kênh tưới tiêu;
- 25 dự án NCKT, TKKT - BVTC và GS thi công về đê, kè sông, kè biển, hải đảo;

- 5 dự án NCKT và TKKT - BVTC về đồng muối công nghiệp;
- 5 dự án NCKT và TKKT - BVTC về nuôi trồng thuỷ sản;
- 3 dự án NCKT, TKKT - BVTC về trang trại chăn nuôi tập trung;
- 25 dự án NCKT và TKKT - BVTC và GS thi công về nước SH nông thôn.

(Quy mô, nhiệm vụ, giá trị và thời gian thực hiện một số dự án điển hình do Viện thực hiện xem chi tiết trong Phụ lục 3.1)

3.4. Năng lực về nhân sự

Sau 40 năm xây dựng và phát triển, Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung không ngừng mở rộng địa bàn hoạt động, mở rộng hình thức và quy mô đào tạo, mở rộng lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ và phục vụ sản xuất. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, kỹ sư của Viện từng bước được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được hoàn thiện, có thể đáp ứng xu thế phát triển trong giai đoạn mới. Hiện tại, Viện đã có một đội ngũ chuyên gia nhiều kinh nghiệm, có đủ tư cách pháp nhân làm chủ nhiệm thiết kế, chủ nhiệm giám sát chất lượng công trình, tư vấn đấu thầu và quản lý dự án, định giá xây dựng, đánh giá tác động môi trường, quản lý và thực hiện các công tác trong phòng thí nghiệm xây dựng.....

Bên cạnh đó Viện có một đội ngũ chuyên gia cộng tác là các thầy đến từ trường Đại học Thủy lợi với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động KHCN.

Tổng hợp cán bộ nhân sự Viện phân theo trình độ như sau:

TT	Phân loại	Số lượng
1	GS.TS	1
2	PGS.TS	2
3	TS	2
4	Th.S	19
5	ĐH	49
6	CĐ	1
7	Tr.C	6
8	CNKT	7
9	Tạp vụ	4
Tổng hợp		91

(Thông tin về đội ngũ cán bộ kỹ thuật Viện ĐT&KHUĐ Miền Trung xem chi tiết trong phụ lục 3.2 đến phụ lục 3.5)



3.5. Năng lực về cơ sở vật chất, thiết bị máy móc

Bảng 3.1: Bảng kê khai cơ sở vật chất-kỹ thuật của Viện

TT	Cơ sở vật chất - kỹ thuật	Số lượng	ĐV	Trị giá (đ)	Nguồn gốc		
					Nhà nước	Nước ngoài	Khác
I	Giá trị tài sản cố định			8.000.000.000			
1	Trụ sở số 115 Trần Phú, TP Phan Rang-TC	500	m ²	1.500.000.000	✓		
2	Khu đào tạo 74 Yên Ninh, TP Phan Rang-TC	1473	m ²	6.500.000.000	✓		
3	Khu giảng đường (nhà 4 tầng)	1.000	m ²		✓		
4	Khu tập thể sinh viên, thư viện, phòng thí nghiệm	473	m ²		✓		
II	Giá trị máy móc thiết bị			835.000.000			
III	Vốn lưu động			2.000.000.000			
	TỔNG SỐ			10.835.000.000			

Ngoài ra còn có các thiết bị chuyên dùng khác, các phòng thí nghiệm ĐKT, Thổ nhưỡng, Sức bền, VLXD, Thủy lực, Môi trường, Xưởng cơ khí v.v... của Trường Đại học Thủy lợi với đầy đủ các máy móc, thiết bị chất lượng còn tốt đáp ứng được các yêu cầu của công tác tư vấn và xây dựng.

Bảng 3.2: Bảng kê khai một số phần mềm ứng dụng trong Tư vấn thiết kế

TT	Tên phần mềm	Tính năng phần mềm	Nguồn gốc
1	Geo - Slope Ver 7.0	Bộ phần mềm tính toán thám, ổn định, ứng suất, truyền nhiệt,	Hàng Geo – Slope Canada
2	MIKE FLOOD, MIKE11, MIKE21 FM	Tính toán thủy lực truyền lũ trên hệ thống sông có ảnh hưởng của thủy triều	Đan Mạch
3	PLAXIS 2D/3D	Phân tích biến dạng và ổn định các bài toán địa kỹ thuật (2D/3D)	Delf Hà Lan
4	Sap 2000	Tính toán kết cấu bằng PTHH	Mỹ
5	Micro Station	Phần mềm số hóa bản đồ	Mỹ
6	Mapinfor Ver 11.0	Phần mềm biên tập bản đồ	Mỹ
7	Sufer 9.0	Vẽ bình đồ và tính toán san nền	Mỹ



TT	Tên phần mềm	Tính năng phần mềm	Nguồn gốc
8	3DVIZ	Thiết kế cảnh quan, tổng mặt bằng, vẽ không gian.	Hãng 3D Studio
9	BD2002	Vẽ bình đồ từ số liệu của các máy trắc đạc điện tử.	Công ty Tin học Xây dựng – Bộ Xây dựng
10	MC98	Tính toán móng cọc, sức chịu tải của cọc.	Công ty Tin học Xây dựng – Bộ Xây dựng
11	MD2000	Tính toán kết cấu móng đơn	Công ty Tin học XD
12	ADRC Ver 1.0	Tính toán kết cấu hệ thanh bất kỳ theo PTH và tự động thiết kế cấu kiện bê tông cốt thép.	Trường ĐHTL
13	TLKW Ver 2.0	Tính toán thuỷ lực các công trình thuỷ lợi thông dụng.	Trường ĐHTL
14	BTCT 2002	Tính toán cấu kiện BTCT	Trường ĐHTL
15	DTL2000	Tính toán điều tiết lũ	Trường ĐHTL
16	DT2002	Lập dự toán Xây dựng cơ bản	Trường ĐHTL
17	TKK2002	Tự động vẽ trắc dọc, trắc ngang, gắn mặt cắt thiết kế và tính toán khối lượng đào đắp trong Autocad	Trường ĐHTL
18	FFC, DFC	Tính toán tần suất	Trường ĐHTL
19	RSRP	Tính toán điều tiết lũ Tính toán điều tiết năm	Trường ĐHTL
20	QTL	Tính toán Lưu lượng tạo lòng	Trường ĐHTL
21	SSARR	Tính toán lũ mô hình Tank	Trường ĐHTL
22	WRU-KC	Tính toán kết cấu công trình TL	Trường ĐHTL
23	WRU-TL	Tính toán thủy lực công trình TL	Trường ĐHTL
24	FOSSA(2.0)	Tính ứng suất biếm dạng nền đất khi sử dụng bắc thấm kết hợp giài tải trước	Mỹ
25	GEO-COPS	Tính toán túi vải địa kỹ thuật, ống vải địa kỹ thuật	Mỹ
26	RESSA(3.0)	Phân tích ổn định khối đắp, mái dốc khi có sử dụng cốt địa kỹ thuật để tăng ổn định cho công trình	Mỹ
27	MSEW(3.0)	Thiết kế tường chắn đất có cốt, giài cốt bờ mặt tường bằng kết cấu lắp ghép	Mỹ
28	RESLOPE(4.0)	Tính toán mái dốc đứng, tính toán khi sử dụng cốt địa kỹ thuật	Mỹ



Bảng 3.3: Bảng kê khai một số thiết bị máy móc sử dụng trong công tác

TT	Tên thiết bị	ĐV. Tính	Số lượng
I	Ô tô	chiếc	4
1	Ô tô Ford Everest 7 chỗ		1
2	Ô tô Musso 7 chỗ		1
3	Ô tô Ford Everest 7 chỗ		1
4	Ô tô Fortuner 7 chỗ		1
II	Máy toàn đạc điện tử, GPS	chiếc	2
1	Máy toàn đạc điện tử GTS-226 (UN3059)		1
2	Máy toàn đạc điện tử GTS-226 (UN4472)		1
3	Máy khảo sát định vị GPS		1
III	Máy kinh vĩ	chiếc	9
1	Máy kinh vĩ (Russia)		5
2	Máy kinh vĩ		4
IV	Máy thủy bình	chiếc	8
1	Máy thủy bình (Russia)		5
2	Máy thủy bình		2
3	Máy thủy bình SOKIA C320 (G10366)		1
V	Máy vi tính	bộ	63
1	Máy tính bàn P4 3,0 Ghz		4
2	Máy tính bàn P4 2,4 Ghz		2
3	Máy tính bàn Pentum Core 2 Duo		4
4	Máy tính bàn Pentum Core 2 Duo 2.4GHz		4
5	Máy tính bàn PC HP Compaq		8
6	Máy tính bàn Newton + Nobel		8
7	Máy tính bàn CELERON D2.4 GHZ (P.3)		2
8	Máy tính bàn TUSONICS- NEWTON		2
9	Máy tính bàn Core I3		1
10	Máy tính bàn E5700		4
11	Máy tính bàn Core i3 2120 4GB		1
12	Máy tính bàn CPU Intel Pentium G620-2,60Ghz		6
13	Máy tính bàn CPU Intel Pentium G860-3,0Ghz		4
14	Máy tính bàn Core i3 2120 4GB		3
15	Máy tính bàn Dell chủng loại Optiplex		4
16	Máy tính bàn Dell chủng loại Optiplex		1
17	Máy tính bàn Dell Core i5-4460		5
VI	Máy in	cái	26
1	Máy in đen trắng Canon 3200		1
2	Máy in đen trắng Canon LBP 3300		2
3	Máy in đen trắng HP - P2014		2
4	Máy in đen trắng Canon LBP 3300		2



TT	Tên thiết bị	ĐV. Tính	Số lượng
5	Máy in màu HP Offcejet Pro K8600		1
6	Máy in đen trắng HP LT P2055d		1
7	Máy in đen trắng Canon LBP 3300		3
8	Máy in đen trắng HP LaserJet 1010		1
9	Máy in màu HP DESKJET 1280		1
10	Máy in đen trắng Canon 2900		2
11	Máy in đen trắng Canon LBP 3000		1
12	Máy in màu Epson T50		1
13	Máy in màu Epson L800		1
14	Máy in màu A3 Brother J6510DW		1
15	Máy in đen trắng Canon LBP 3300		1
16	Máy in đen trắng Canon LBP 3300		5
VII	Máy Scan	cái	3
1	Máy Scan HP SCANJET 2400		1
2	Máy Scan canon 210		1
3	Máy Scan HP 3110		1
VIII	Máy chiếu	cái	10
1	Máy chiếu Sony CX70		1
2	Máy chiếu Sony HD VPL -CX21		1
3	Máy chiếu Sony CY21		1
4	Máy chiếu Sony CX125		1
5	Máy chiếu Panasonic 51EA		1
6	Máy chiếu Panasonic PT-LB2VEA		1
7	Máy chiếu Panasonic PT-LB2VEA		2
8	Máy chiếu Panasonic PT-LX300EA		2
IX	Màn chiếu	màn	12
1	Màn chiếu Sony		4
2	Màn chiếu Dalite		1
1	Màn chiếu Apolo 3 chân 1,78 x 1,78		2
2	Màn chiếu Apolo 3 chân 1,78 x 1,78		2
3	Màn chiếu Apolo 150 in		3
X	Máy photocopy	chiếc	7
1	Máy photocopy Bizhub 210 Nhật		1
2	Máy phôto Samsung MFPSCX-6348N		1
3	Máy photo Toshiba E720		2
4	Máy photo Toshiba 283		1
5	Máy photo RICO 5000		1
6	Máy photo Toshiba 280		1
XI	TS khác	cái	5
1	Âm ly		1
2	Loa rời		1
3	Máy phát điện 1 pha 5KW		3



Bảng 3.4: Bảng kê khai thiết bị dùng trong phòng thí nghiệm

TT	Mô tả	ĐV Tính	Số lượng
I	Thiết bị sử dụng chung		
1	Cân điện tử 600 x 0.01 g	Cái	1
2	Cân thủy tinh 6kg x 0,1 g	Cái	1
	Bàn cân thủy tinh	Cái	1
	Rọ cân thủy tinh	Cái	1
3	Cân điện tử hiện số 30kg x 1g	Cái	1
4	Bình hút âm Φ300mm không vòi	Cái	1
5	Tủ sấy nhiệt độ tối đa 300°C, loại chỉ thị hiện số 101-1A	Cái	1
6	Đồng hồ bấm giây hiện số	Cái	1
7	Máy lắc sàng 8411 D300	Cái	1
8	Bơm chân không (không đồng hồ) 2XZ-1	Cái	1
	Đồng hồ + óng cao su	Cái	1
9	Bình hút chân không Φ 300 có vòi	Cái	1
10	Đồng hồ so 10 x 0.01 mm	Cái	9
11	Bình tam giác 250ml không nút	Cái	5
12	Bình tam giác 500ml không nút	Cái	5
13	Bình tam giác 1000ml không nút	Cái	5
14	Bình định mức 1000ml	Cái	12
15	Bình định mức 500ml	Cái	5
16	Bình định mức 250ml	Cái	5
17	Pipet 10ml	Cái	2
18	Phễu thuỷ tinh D100	Cái	2
19	Phễu rót cát 6"+tấm dung trọng hiện trường	Bộ	1
20	Tấm kính kỹ thuật 100x100x3mm	Cái	30
21	Cối chày sứ Φ160mm	Bộ	1
22	Cối chày đồng Φ100mm	Bộ	1
23	Khay phơi mẫu nhôm 300x400x30mm	Cái	5
24	Nhiệt kế thuỷ tinh 0-100°C	Cái	2
II	Thiết bị thử cốt liệu		



1	Máy mài mòn Los Angeles	Cái	1
2	Bộ xilanh thử nén dập đá, đường kính 150 và 75 mm	Bộ	1
3	Thùng thử độ bụi bùn sét của cát	Bộ	1
	Thùng thử độ bụi bùn sét của đá	Bộ	1
4	Côn thử độ xốp đá	Bộ	1
5	Bộ sàng cát D200mm theo tiêu chuẩn Việt Nam bao gồm các cỡ sàng lỗ tròn: 0,14 - 0,315 - 0,63 - 1,25 - 2,5 - 5 - đáy và nắp	Cái	7
6	Bộ sàng đá D300mm theo tiêu chuẩn Việt Nam bao gồm các cỡ sàng lỗ tròn: 5 - 10 - 20 - 40 - 70 - 100 - đáy và nắp	Cái	7
7	Bảng so màu	Tờ	1
8	Côn thử xốp cát	Bộ	1
9	Côn chày thử độ hấp phụ cát	Bộ	1
10	Thước đo hạt thoi dẹt	Cái	1
11	Thùng định lượng tiêu chuẩn: 1 - 2 - 5 - 10 - 20; vật liệu sắt	Bộ	1
III	Thiết bị thử bê tông		
1	Khuôn 150 x 150 x 150mm bằng nhựa ABS nguyên sinh	Cái	18
3	Khuôn 100x100x100 (Kép 3) bằng thép	Cái	2
4	Khuôn trụ D150 X 300mm bằng nhựa ABS nguyên sinh	Cái	6
5	Khuôn 200x200x200 mm bằng thép	Cái	3
6	Khuôn thử uốn 100x100x400 mm bằng thép	Cái	3
7	Khuôn thử uốn 150x150x600 mm bằng thép	Cái	3
8	Côn thử độ sút bê tông bao gồm: côn tiêu chuẩn, phễu hứng, ca xúc bằng Inox, tâm đáy 42x42x2cm, que chọc, bay, thước đo 30 cm	Bộ	2
9	Dụng cụ Capping	Cái	1
10	Bàn rung mẫu bê tông ZT 0.8x0.8	Cái	1
11	Khuôn đúc mẫu vữa 70,7x70,7x70,7mm, kép 3 bằng thép	Cái	1
13	Mũi khoan D100	Cái	1
14	Mũi khoan D70	Cái	1



15	Mũi khoan D50	Cái	1
16	Máy nén CBR-2	Bộ	1
17	Máy nén bê tông thủy lực 200T-TYE2000	Cái	1
18	Máy quay ly tâm 3000g - Model SL400	Cái	1
19	Máy nén Marshall 30KN - MSL30	Bộ	1
20	Máy khoan mẫu bê tông nhựa HZ15C	Bộ	1
21	Máy kéo nén vạn năng 100T-WE1000B	Bộ	1
22	Máy nén bê tông điện tử	Bộ	1
23	Máy cưa cắt mẫu bê tông	Bộ	1
IV	Thiết bị thử xi măng		
1	Máy trộn vữa tiêu chuẩn JJ5, tự động	Cái	1
2	Máy dàn tạo mẫu tự động ZS-15	Cái	1
3	Bộ Vika	Bộ	1
4	Bàn dàn vữa quay tay	Bộ	1
5	Nồi chưng hấp mẫu xi măng 12 lít	Cái	1
6	Khuôn Le Chatelie	Cái	6
7	Khuôn 40x40x160 mm kép ba bằng thép	Bộ	3
8	Bay + chảo trộn Φ400	Bộ	1
9	Bình tỷ trọng xi măng 250ml	Cái	2
10	Sàng xi măng D200, lỗ sàng 0,09	Cái	1
11	Bộ gá nén xi măng	Bộ	1
	Bộ gá uốn xi măng	Bộ	1
12	Tủ dưỡng mẫu xi măng HBY-40	Cái	1
13	Máy trộn vữa tiêu chuẩn JJ5, tự động	Bộ	1
14	Máy dàn tạo mẫu tự động ZS-15	Bộ	1
V	Thiết bị thử thép		
1	Thước lá L = 500 mm	Cái	1
VI	Thiết bị thử vật liệu xây dựng		
1	Gá uốn mẫu gạch xâv	Bộ	1
2	Tấm ép mẫu gạch tự chèn	Bộ	1
3	Máy thử mài mòn bê tông, mẫu vuông 70.7mm, kiểm tra 2 mẫu đồng thời, điện áp 220V / 1ph / 50Hz	Bộ	1
VII	Thiết bị thử đất trong phòng		



1	Máy nén đất tam liên, kiểu WG (áp lực 12.5kPa-800kPa/30cm ² , 12.5kPa-400kPa/50cm ²)	bộ	2
2	Máy cắt đất hai tốc độ, kiểu ZJ	bộ	1
3	Dao vòng D61,8x20 mm	Cái	30
4	Hộp nhôm lấy mẫu đất Φ 55 x 35	Cái	30
5	Dao cắt đất (dao cắt CBR)	Cái	1
	Dao gọt đất 20 x 150mm	Cái	1
	Dao lấy mẫu đất (dao vòng đại)	Cái	1
6	Máy đầm đất tự động JZ-2D	Cái	1
7	Cối chày Proctor tiêu chuẩn	Bộ	1
8	Cối chày Proctor cải tiến	Bộ	1
9	Bộ sàng đất tiêu chuẩn D200mm (bao gồm 09 cỡ sàng kèm đáy + nắp)	Cái	10
10	Tỷ trọng kế thang A	Cái	1
11	Bình tỷ trọng 100 ml	Cái	20
12	Dụng cụ Vaxiliep	Bộ	1
13	Tấm kính nhám 300x300x10 mm	Cái	2
15	Khuôn đúc mẫu CBR, đồng bộ gồm thân khuôn, cỗ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải tròn, gia tải khuyết, giá đỡ đồng hồ	Bộ	3
16	Tấm giãn cách	Cái	1
17	Giấy thấm 60x60cm	Tờ	100
18	Khay ủ mẫu đất đầm chặt tiêu chuẩn	Bộ	6
19	Dao cắt đất (dao cắt CBR)	Cái	1
20	Dao gọt đất 20 x 150mm	Cái	1
21	Dao lấy mẫu đất (dao vòng đại)	Cái	1
22	Cối chày Proctor tiêu chuẩn	Bộ	1
23	Cối chày Proctor cải tiến	Bộ	1
VIII	Thiết bị thử hiện trường		
1	Cần Benkelman	Bộ	1
2	Thiết bị ép tĩnh nền đường, gồm: tấm ép cứng, dụng cụ gá đầu cần, kích thủy lực 20 tấn	Bộ	1
4	Bộ dao đai lấy mẫu hiện trường	Bộ	1



5	Bộ đo độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	Bộ	1
6	Thước thẳng 3m (đồng bộ)	Bộ	1
7	Bộ kích thí nghiệm nén tĩnh cọc 200 taasn	Bộ	1
8	Gá từ	Cái	2
9	Đồng hồ so 0-50mm; độ chia 0,01 mm	Cái	2
10	Thiết bị đo điện trở đất Kyoritsu	Cái	1
IX	Thiết bị thí nghiệm nhựa		
2	Thiết bị đầm tạo mẫu Marshall MZ-1J	Cái	1
	Khuôn Marshall	Bộ	3
3	Bình ổn nhiệt CF-B	Cái	1
4	Nhiệt kế đồng hồ loại 0 - 100°C	Cái	1
5	Nhiệt kế điện tử loại 0 - 300°C	Cái	1
6	Bộ sàng bê tông nhựa F200mm (13 cỡ sàng kèm đáy + nắp)	Cái	14
8	Giấy lọc dầu Φ350	Tờ	100
9	Thiết bị thử độ kim lún, tự động DF-6	Bộ	1
10	Máy thử độ giãn dài nhựa SY-1.5	Bộ	1
11	Dụng cụ xác định độ hoá mềm nhựa tự động DF-12	Bộ	1
12	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa, SYD-3536	Bộ	1
13	Thiết bị xác định tồn thắt khi nung (không bao gồm tủ sấy): hệ thống quay, cốc đựng mẫu (dùng lắp vào tủ sấy)	Bộ	1
X	Thiết bị trắc đặc địa hình		
1	Máy thủy chuẩn tự động AP-228 PENTAX Hệ số phóng đại: 28X Độ chính xác đọc đo đi về/1 km: ± 1.5 mm Trường nhìn: 1°20" Tiêu cự tối thiểu: 0.3m Chống nước: IP55 Bộ bao gồm: Máy AP-281 trong hộp đựng, quả dọi & tăm chỉnh. Mia 4m 4 đoạn, chân nhôm cho thủy chuẩn	Bộ	1
2	Máy kinh vĩ điện tử ETH-510 PENTAX Hệ số phóng đại: 30X Góc hiển thị trên màn hình: 5"/10"	Cái	1



	<p>Hiển thị màn hình LCD (2 bên)</p> <p>Độ chính xác: 10''</p> <p>Độ kín nước đạt tiêu chuẩn IP44</p> <p>Nguồn Pin 4 viên Pin AA</p> <p>Máy bao gồm:</p> <p>Máy ETH-510 trong hộp đựng.04 pin AA 02 hộp lắp pin, 01 Quả dọi 01 bộ dụng cụ hiệu chỉnh. Chụp che mưa. 01 chân nhôm cho kính vĩ 01 mia nhôm 4m 4 đoạn Hướng dẫn sử dụng (Anh - Việt)</p>		
1a	<p>Búa thử cường độ bê tông chỉ thị vạch CatNo: 310 01 001 - Loại N</p> <p>Năng lượng va đập: 2.207 Nm</p> <p>Kiểm tra cường độ bê tông từ 10 đến 70N/mm²</p> <p>Cung cấp trong hộp đựng: Máy chính, đá mài, hướng dẫn sử dụng</p>	Cái	1
1b	<p>Búa thử cường độ bê tông, model C380</p> <p>Phù hợp tiêu chuẩn EN 12504: Part 2 / AS TM C805/UNI 9189/DIN 1048/BS 1881:202/ NF PI 8-417/ UNE 83307</p> <p>Kiểm tra cường độ bê tông từ 10 đến 70N/mm²</p> <p>Năng lượng va đập của lò xo 2.207J.</p> <p>Đơn vị đo N/mm² (MPa).</p> <p>Kích thước bao bì: 330 x 100 x 100 mm</p> <p>Khối lượng: khoảng 2 kg</p> <p>Cung cấp với túi đựng bằng vải, đá mài và hướng dẫn sử dụng</p>	Cái	1
2a	<p>Máy siêu âm bê tông 326 20 001 : Model PUNDIT LAB +</p> <p>ASTM C 597-02 (North America)</p> <p>BS 1881 Part 203 (UK)</p> <p>ISO 1920-7:2004 (Tiêu chuẩn quốc tế)</p> <p>Ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> *Kiểm tra sự không đồng nhất trong kết cấu bê tông *Phát hiện vết nứt, lỗ rỗng *Kiểm tra cường độ bê tông khi kết hợp với búa bột này *Xác định Modul đàn hồi tĩnh (<i>Khách hàng phải mua thêm bộ đầu dò shearware</i>) 	Cái	1



	<p>Tính năng kỹ thuật:</p> <p>Dải đo thời gian truyền: 0,1 - 9999 μs</p> <p>Độ phân giải: 0,1 μs</p> <p>Màn hiển thị có kích cỡ : 79 x 21 mm xung siêu âm 125 V, 250V, 350V, 500 =V, AUTO</p> <p>Băng thông : 20 kHz - 500 kHz</p> <p>Xung rộng có thể thay đổi</p> <p>Bộ nhớ: Lưu giữ hơn 500 phép đo</p> <p>Nguồn: Pin thường, hoặc sạc qua cổng USB(<i>nếu yêu cầu pin sạc thì phải mua thêm</i>)</p> <p>Nguồn cấp : 4 pin AA,</p> <p>Kích thước máy : 172 x 55 x 220 mm</p> <p>Trọng lượng: 1,316 kg (bao gồm cả pin)</p> <p>Cấu hình tiêu chuẩn gồm có:</p> <p>Máy chính trong hộp đựng bằng nhựa 02 đầu đo (thu/phát siêu âm tần số 54kHz) kèm 02 cáp nối, 01 lọ mỡ bôi tiếp âm, 01 thanh mẫu chuẩn 25 μs, 01 sạc USB kèm cáp & 4 pin AA</p> <p>Tài liệu về phần mềm Pundit Link</p> <p>Hướng dẫn sử dụng</p>		
2b	<p>Máy siêu âm bê tông model C369N</p> <p>Phù hợp tiêu chuẩn EN 12504 part 4 / ASTM C597 / BS 1881:203 / UNI9524 / NF p 18-418 /UNE 83308</p> <p>Khoảng đo: 0 ~ 3000 μs</p> <p>Độ chính xác: 0,1 μs</p> <p>Biên độ xung: 250 ~ 1000V</p> <p>Đo thời gian truyền xung siêu âm qua vật liệu nằm giữa hai đầu đo.</p> <p>Chế độ đo: đơn lẻ (lưu dữ liệu bằng tay) hay liên tục (lưu dữ liệu tự động)</p> <p>Chuẩn zero với lọc thời gian cho xung truyền qua giữa hai đầu đo.</p> <p>Chuẩn máy với giá trị thời gian biết trước.</p> <p>Khả năng thu, xử lý và lưu trữ 30000 số đo</p> <p>Cổng giao tiếp: mili USB</p> <p>Màn hình LCD: lớn, nhiều dòng, có đèn nền</p> <p>Hai cổng ra cho oscilloscope</p> <p>Ngôn ngữ: Ý, Anh, Pháp, Đức, T.B. Nha</p> <p>Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Máy chính- Hai đầu đo 55 kHz với cáp nối 3,5 m	Cái	1



- Thanh chuẩn - Mõ tiếp xúc - Pin sạc NiMH 4,8V - Nguồn nuôi-sạc pin 230V, 50Hz - Valy đựng máy và phụ kiện + Kích thước valy: 400 x 340 x 110 mm + Khối lượng: khoảng 2 kg		
---	--	--

3.6. Năng lực về tài chính

Vốn pháp định: **10.835.000.000đ**

- Vốn cố định: 8.835.000.000đ
- Vốn lưu động: 2.000.000.000đ

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 04 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG

(đã ký)

ThS. Mai Quang Khoát



PHẦN IV

CÁC PHỤ LỤC



A. Phụ lục 3.1

Quy mô, nhiệm vụ, giá trị và thời gian thực hiện một số dự án điển hình

TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
1	A. TUẤN THIẾT KẾ				
2	I. HỒ CHÚA				
3	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-TDT Hồ chứa nước Đắc Lộc	Cấp II	6622	Sở NN&PTNT tỉnh Khánh Hòa	TMDT: 189 tỷ
4	Khảo sát, Lập thiết kế BVTC-Dự toán công trình Hồ chứa nước Quang Trung II, huyện Côn Đảo.	Cấp IV	3185	Ban QLDA huyện Côn Đảo	
5	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-TDT Hồ chứa nước Buôn Đức	Cấp II	3074	Ban QL các CTĐT & XDCB huyện Sông Hinh	TMDT: 113 tỷ
6	Tư vấn khảo sát, lập dự án Hồ chứa nước Sông Cạn	Cấp II	2795	Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa	TMDT: 400 tỷ
7	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Sữa chữa hồ chứa nước CK7, Sông Sắt, Ông Kinh, Tà Ranh	Cấp III	1960	Ban QLDA sữa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Ninh Thuận	
8	Tư vấn khảo sát, lập dự án Hồ chứa nước Đắc Lộc	Cấp II	1814	Sở NN&PTNT tỉnh Khánh Hòa	TMDT: 189 tỷ
9	Tư vấn Nâng cấp hệ thống tưới hồ Trà Tân, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận thuộc dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8)		1807	Ban QLDA Nâng cao hiệu quả sử dụng nước bị ảnh hưởng bởi hạn hán của tỉnh Bình Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
10	Tư vấn khảo sát, lập dự án Hồ chứa nước Ninh Vân	Cấp II	1406	Ban QLDA các công trình Giao thông & Thủy lợi Khánh Hòa	
11	Hồ chứa nước Ông Lành	Cấp III	1275	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	
12	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-TDT Tu sửa hồ chứa nước Thành Sơn	Cấp III	1221	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
13	Khảo sát lập BCKTKT - BVTC Hồ chứa nước Đạ Sa	Cấp IV	1184	Trung tâm Quản lý và Khai thác công trình công cộng huyện Lâm Hà	
14	Tư vấn khảo sát, lập dự án Hồ Suối Nước Ngọt	Cấp II	1182	Sở NN&PTNT tỉnh Khánh Hòa	
15	Tư vấn Khảo sát, lập dự án Hồ chứa nước Láng Nhót	Cấp III	1096	Sở NN và PTNT tỉnh Khánh Hòa	
16	Khảo sát, Lập dự án đầu tư dự án: Nạo vét Hồ chứa nước Quang Trung I, huyện Côn Đảo	Cấp IV	972	Ban QLDA huyện Côn Đảo	
17	Khảo sát, gia cố chống thấm hồ Đaklô	Cấp III	900	Trung tâm Quản Lý và KTCTCC Lâm Đồng	
18	Khảo sát, lập dự án hồ chứa nước Prenn	Cấp III	900	Trung tâm Quản Lý và KTCTCC Lâm Đồng	
19	Khảo sát, Lập thiết kế BVTC-Dự toán công trình: Hai hồ chứa Bắc đảo Phú Quý.	Cấp IV	900	Ban QLDA huyện Phú Quý	
20	Tư vấn khảo sát, Lập TKBVTC tiêu dự án hồ Đông Di Linh		870	Ban Quản lý dự án " Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên" tỉnh Lâm Đồng	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
21	Cụm hồ chứa nước Trung Sơn – Thạch Khê thuộc dự án: Sửa chữa khẩn cấp cụm hồ chứa nước Phù Mỹ - Hoài Ân	Cấp IV	862	Ban QLDA ĐT&XD huyện Phù Mỹ	
22	Khảo sát lập TKBVTC Hồ chứa nước Thạch Bàn	Cấp III	842	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	
23	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thạch Bàn		842	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT Bình Định	
24	Khảo sát lập BCKTKT - BVTC Hồ chứa nước Tân Rai	Cấp III	809	Trung tâm Quản lý và Khai thác công trình công cộng huyện Bảo Lâm	
25	Khảo sát lập dự án hồ chứa nước Đaklô	Cấp III	800	Trung tâm Quản Lý và KTCTCC huyện Bảo Lâm	
26	KSTKKTTC Sửa chữa, nâng cấp hồ thủy lợi Đông, Tây Di Linh và đường tránh ngập Hồ KaLa	Cấp III	766	Ban Quản lý Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên	
27	Sửa chữa khẩn cấp tràn xả lũ hồ chứa nước Hồ Cùng do mưa lũ năm 2017		746	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT Bình Định	
28	Khảo sát, lập BCKTKT-BVTC Hồ chứa nước thôn 4 – Lộc Bắc	Cấp III	696	Trung tâm Quản Lý và KTCTCC huyện Bảo Lâm	
29	Hồ chứa nước Suối Đuốc	Cấp IV	655	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	
30	Khảo sát, Lập dự án đầu tư dự án: Hai hồ chứa Bắc đảo Phú Quý.	Cấp IV	650	Ban QLDA huyện Phú Quý	
31	Khảo sát, nâng cấp sửa chữa hồ Cam Ly Thượng	Cấp III	600	Trung tâm Quản Lý và KTCTCC Lâm Đồng	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
32	Tư vấn Khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Thạch Bàn	Cấp III	596	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	
33	Sửa chữa hệ thống quan trắc các hồ Sông Trâu, Bà Râu, Lanh Ra, Nước Ngọt, Sông Sắt, Trà Co, Phước Trung, Phước Nhơn		591	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
34	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Tu sửa hồ chứa nước Sông Sắt	Cấp III	525	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
35	Tư vấn Hồ chứa nước KaPet, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận		500	Ban QLDA Đầu tư xây dựng cơ bản - CCPTNT Bình Thuận	
36	Khảo sát lập dự án hệ thống thủy lợi Cam Ly Thượng	Cấp III	500	Trung tâm Quản Lý và KTCTCC Lâm Đồng	
37	II. ĐẬP DÂNG				
38	Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - Tỉnh Bình Định		9957	Ban QLDA NN&PTNT tỉnh Bình Định	
39	Tư vấn DATP: Sửa chữa nâng cấp các đập dâng, thuộc DA: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung - tỉnh Bình Định		3258	Ban QLDA NN&PTNT tỉnh Bình Định	
40	Tư vấn Đập An Thuận		1483	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT Bình Định	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
41	Tư vấn Khảo sát, đánh giá hiện trạng, xác định nguyên nhân để lập hồ sơ thiết kế có giải pháp xử lý và khắc phục khẩn cấp việc thám qua thân đập của công trình Hồ chứa nước La Bách		549	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
42	Tư vấn Kè thượng, hạ lưu đập dâng Bộ Tòn		492	Ban QLDA H. Phù Cát	
43	Đập Bờ Cản, xã Cát Minh	Cấp IV	482	Ban QLDA ĐT&XD huyện Phù Cát	
44	Sửa chữa nâng cấp đập dâng Tháp Mão	Cấp IV	301	Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định	
45	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Tu sửa đập Ma Rên - HT Tân Giang	Cấp IV	245	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
46	Tư vấn Sửa chữa, khôi phục hệ thống đập dâng Thủy Lợi; Kè bảo vệ bờ suối Đá xã An Hiệp và Sửa chữa khôi phục tuyến đường An Hiệp - An Lĩnh và Kè chống sạt lở bờ sông Kỳ Lộ đoạn qua cầu Ngân Sơn, huyện Tuy An		223	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
47	Đập Toi Đó, Sơn Lãnh, xã Cát Sơn	Cấp IV	216	Ban QLDA ĐT&XD huyện Phù Cát	
48	Sửa chữa công trình đập dâng Đập Cát - Hệ thống tưới Thạnh Hòa	Cấp IV	165	Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định	
49	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Tu sửa đập Lâm Cầm	Cấp IV	125	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
50	Tư vấn Đánh giá an toàn đập thủy điện Đạ Khai		115	Công ty CP điện Gia Lai	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
51	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Tu sửa hạ lưu đập Nha Trinh	Cấp IV	80	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
52	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Tu sửa mái beton khoang số 10 và khoang số 11 đập Lâm Cẩm. Hệ thống Nha Trinh – Lâm Cẩm	Cấp IV	76	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
53	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Tu sửa mái hạ lưu đập Nha Trinh - Hệ thống thủy lợi Nha Trinh - Lâm Cẩm	Cấp IV	73	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
54	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Gia cố bảo vệ mái đê vai tả đập Nha Trinh - Hệ thống Nha Trinh-Lâm Cẩm	Cấp IV	53	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
55	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Tu sửa Đập Đá – Hệ thống Tân Giang	Cấp IV	51	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
56	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Sửa chữa Đập Đá	Cấp IV	42	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
57	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Bê tông mặt đập Nha Trinh - Hệ thống thủy lợi Nha Trinh - Lâm Cẩm	Cấp IV	39	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
58	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Gia cố, tu sửa vai đập Nha Trinh thuộc kênh Chính Nam, Hệ thống thủy lợi Nha Trinh - Lâm Cẩm	Cấp IV	30	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
59	III. ĐÊ, KÈ SÔNG				
60	Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - Tỉnh Bình Định		9957	Ban QLDA NN&PTNT tỉnh Bình Định	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
61	Gói thầu số 02: Khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán tuyến sông Hà Thanh, sông Dinh và sông Cây Me (các đoạn còn lại)		3568	Ban QLDA Thủy lợi	
62	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-TDT dự án: Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, TP Quy Nhơn	Cấp III	3000	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	
63	DATP: Sửa chữa nâng cấp đê sông Kôn, thuộc DA: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung - tỉnh Bình Định		2395	Ban QLDA NN&PTNT tỉnh Bình Định	
64	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC Nạo vét thoát lũ sông Bao Đài đoạn từ xi phông Phước Hậu đến cầu Trần Hưng Đạo		2195	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
65	Tư vấn khảo sát, lập dự án: Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, TP Quy Nhơn	Cấp III	2180	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	TMDT: 3000 tỷ
66	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-TDT Dự án đầu tư Nâng cấp đê bờ Bắc Sông Dinh	Cấp IV	2075	Ban QLDA ngành Nông nghiệp tỉnh Ninh Thuận	TMDT: 227 tỷ, Phụ lục HĐ ĐC giá 2014
67	DATP: Sửa chữa nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn, thuộc DA: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung - tỉnh Bình Định		2014	Ban QLDA NN&PTNT tỉnh Bình Định	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
68	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-TDT Nâng cấp đê bờ Bắc Sông Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm - Giai đoạn khẩn cấp	Cấp IV	1573	Chi cục thủy lợi tỉnh Ninh Thuận	TMDT: 103 tỷ
69	DATP: Sửa chữa nâng cấp hệ thống tưới tiêu, thuộc DA: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung - tỉnh Bình Định		1366	Ban QLDA NN&PTNT tỉnh Bình Định	
70	Hệ thống đê Latinh thuộc tiểu dự án hệ thống thủy lợi Latinh	Cấp IV	1356	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	TMDT: 80 tỷ
71	Kè chống xói lở khu dân cư phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu		1242	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã sông cầu	
72	DATP: Sửa chữa nâng cấp đê sông Hà Thanh, thuộc DA: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung - tỉnh Bình Định		1123	Ban QLDA NN&PTNT tỉnh Bình Định	
73	Tư vấn khảo sát, lập dự án Dự án đầu tư Nâng cấp đê bờ Bắc Sông Dinh	Cấp IV	990	Ban QLDA ngành Nông nghiệp tỉnh Ninh Thuận	03 phụ lục HD DC giá
74	DATP: Sửa chữa nâng cấp đê sông Lại Giang, thuộc DA: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung - tỉnh Bình Định		986	Ban QLDA NN&PTNT tỉnh Bình Định	
75	Tư vấn lập dự án đầu tư + lập TKBVTC Nâng cấp chống xói mòn đảm bảo an toàn cho đê sông Kon thuộc dự án Quản lý thiên tai (WB5)	Cấp IV	898	Ban QLDA Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
76	Khảo sát Lập DADT dự án: Kè bảo vệ bờ Sông Phan, xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam	Cấp III	850	Ban QLDA huyện Hàm Thuận Nam	
77	Tư vấn lập dự án đầu tư + lập TKBVTC Kè bảo vệ gia cố mái đê suối Cầu Đu	Cấp IV	819	Ban QLDA ĐT&XD huyện Phù Cát	
78	Kè chống sạt lở TuyỀn Lâm		648	ban QLDA hố TuyỀn Lâm	
79	Tư vấn lập dự án đầu tư Đê Huỳnh Giản - Phước Hòa		592	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định	
80	IV. ĐÊ, KÈ BIỂN				
81	Khảo sát, Lập Thiết kế BVTC-DT công trình Kè chống xói lở bảo vệ bờ biển đảo Phú Quý	Cấp III	5152	Ban QLDA huyện Phú Quý	TMDT: 598 tỷ
82	Tư vấn khảo sát thiết kế: Đầu tư xây dựng cơ sở Hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đảo Thổ Chu, huyện Phú Quốc (Thiết kế cảng, đường.....)	Cấp II	4841	Ban QLDA ĐTXD huyện Phú Quốc	TMDT: 586 tỷ
83	Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng cơ sở Hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đảo Thổ Chu, huyện Phú Quốc	Cấp II	3700	Ban QLDA ĐTXD đường cơ động đảo Thổ Chu	TMDT: 730 tỷ
84	Tư vấn lập TKBVTC đê phường Nhơn Bình và đê xã Phước Thuận thuộc dự án Nâng cấp hệ thống đê và tròng rùng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại (dự án đê Đông) - tỉnh Bình Định	Cấp IV (Theo NĐ 209/2004/NĐ-CP)	2521	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
85	Xây dựng bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão tinh Phú Yên thuộc kế hoạch tổng thể: Xây dựng bản đồ ngập lụt trong tình huống bão mạnh, siêu bão		2451	Cục phòng chống thiên tai	
86	Tư vấn khảo sát, lập bổ sung dự án Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại (dự án đê Đông) - tỉnh Bình Định	Cấp IV (Theo NĐ 209/2004/NĐ-CP)	2234	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	TMDT: 304 tỷ
87	Tư vấn lập TKBVTC đê xã Phước Sơn và đê xã Phước Hòa thuộc dự án Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại (dự án đê Đông) - tỉnh Bình Định	Cấp IV (Theo NĐ 209/2004/NĐ-CP)	1962	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	
88	Kè chống xói lở đầm Cù Mông	Cấp III	972	Ban quản lý các công trình ĐT và XDCB thị xã Sông Cầu	TMDT: 185 tỷ
89	Khảo sát, lập phương án khắc phục công trình: Xử lý cấp bách chống sạt lở khu vực xã An Phú, thành phố Tuy Hòa (phần khắc phục khẩn cấp)		937	Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình NN & PTNT Phú Yên	
90	Khảo sát, lập phương án khắc phục công trình: Xử lý cấp bách kè biển xóm Ró, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa (phần khắc phục khẩn cấp)		891	Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình NN & PTNT Phú Yên	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
91	Bến cá Nhơn Lý (DA CRSD)		707	Ban QLDA CRSD Bình Định	
92	Tư vấn khảo sát lập BVTKTC-TDT công trình đê bảo vệ bờ biển Phú Thọ phường Đông Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm	Cấp IV	600	Chi cục thủy lợi Ninh Thuận	
93	V. KÊNH MUÔNG				
94	Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán xây dựng công trình Hệ thống kênh cấp 2, kênh cấp 3 và nâng cấp tuyến đường quản lý thuộc hồ chứa nước Sông Biêu, huyện Thuận Nam	Cấp IV	4646	Ban Quản lý Dự án ngành Nông Nghiệp tỉnh Ninh Thuận	
95	Tư vấn khảo sát, lập hồ sơ TKBVTC-TDT Kênh khu tưới Sông Cái và Tân Mỹ thuộc dự án HTTL Tân Mỹ	Cấp III	3485	Ban Quản lý Dự án ngành Nông Nghiệp tỉnh Ninh Thuận	
96	tư vấn lập DADT Hệ thống kênh Thương Sơn thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi tỉnh Bình Định và Hưng Yên	Cấp III	2934	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	3 lần điều chỉnh hợp đồng
97	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC Mở rộng và kiên cố hóa kênh Cầu Ngòi	Cấp III	2389	Ban XD NL và thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận	
98	Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống kênh cấp 2, cấp 3 và nâng cấp tuyến đường quản lý thuộc hồ chứa nước Sông Biêu, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.	Cấp IV	2327	Ban Quản lý Dự án ngành Nông Nghiệp tỉnh Ninh Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
99	Tư vấn Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi của các Dự án thành phần Kiên cố hóa Hệ thống kênh mương cấp 2, 3 hồ chứa nước Tân Giang thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung - tỉnh Ninh Thuận, vay vốn WB		1906	Ban QLDA Nông nghiệp tỉnh Ninh Thuận	
100	Khảo sát Lập DADT, TKBVTC-DT Kiên cố hệ thống kênh Nha Mung dài 6,2km và kiên cố kênh Chà Vầu dài 7,7km.	Cấp IV	1873	Ban quản lý dự án PTNT tổng hợp các tỉnh miền Trung, tỉnh Bình Thuận	
101	Đường liên huyện dọc kênh chính qua huyện Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình, Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (Phần Thủy lợi)		1862	Ban QLDA ĐTXD - Chi cục PTNT Bình Thuận	
102	Khảo sát Lập DADT dự án: Hệ thống kênh tiêu thoát lũ suối Gia Huynh, xã Đông Hà, huyện Đức Linh.	Cấp III	1820	Ban QLDA huyện Đức Linh	
103	Hạng mục bổ sung: Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai đối với Hệ thống kênh tưới Văn Phong, DA thành phần: Kênh N24-Hệ thống kênh tưới Văn Phong, Dự án: Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung		1649	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
104	Tư vấn khảo sát, lập dự án Cải tạo ,nâng cấp Kênh Chàm và Đường giao thông kết hợp quản lý kênh chính Nam, thuộc hệ thống thủy lợi Nha Trinh - Lâm Cẩm	Cấp III	1526	Ban QLDA PTNT Tổng Hợp các tỉnh Miền Trung tỉnh Ninh Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
105	Khảo sát Lập DADT, TKBVTC-DT Tiêu dự án: Nâng cấp hệ thống công trình Hồ chứa nước Saloun huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Cấp IV	1382	Ban QLDA Phát triển Nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung tỉnh Bình Thuận.	
106	Tư vấn khảo sát lập dự án đầu tư, thiết kế Bản vẽ thi công và dự toán đoạn bô sung kiên cố hóa kéo dài Dự án thành phần: Nâng cấp, kiên cố hóa kênh chính Bắc Ba Bàu, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	Cấp IV	1320	Ban Quản lý Dự án Phát triển Nông thôn Tổng hợp các tỉnh Miền Trung - Khoản vay bô sung tỉnh Bình Thuận	
107	Gói thầu số 01A: Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục bô sung - Dự án thành phần: Nâng cấp, kiên cố hóa kênh cấp 1 Sông Quao, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận thuộc Dự án: Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh Miền Trung – Khoản vay bô sung, tỉnh Bình Thuận.		1288	Ban Quản lý Dự án Phát triển Nông thôn Tổng hợp các tỉnh Miền Trung - Khoản vay bô sung tỉnh Bình Thuận	
108	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-TDT Cải tạo ,nâng cấp Kênh Chàm và Đường giao thông kết hợp quản lý kênh chính Nam, thuộc hệ thống thủy lợi Nha Trinh - Lâm Cầm	Cấp III	1227	Ban QLDA PTNT Tổng Hợp các tỉnh Miền Trung tỉnh Ninh Thuận	
109	Hệ thống đập và kênh Cây Gai thuộc tiêu dự án hệ thống thủy lợi Latinh	Cấp IV	1207	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
110	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC - DT Kiên cố kênh đập Lại Giang dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh Miền Trung - Khoản vay bổ sung	Cấp III	1150	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	
111	Tư vấn khảo sát, lập dự án Mở rộng và Kiên cố hóa kênh tiêu cầu Ngòi	Cấp III	1000	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
112	Khảo sát Lập điều chỉnh, bổ sung DADT, TKBVTC-DT Gói thầu số 80: Hợp phần các hạng mục công trình bổ sung Dự án tưới Phan Rí-Phan Thiết tỉnh Bình Thuận	Cấp IV	990	Ban QLDA tưới Phan Rí Phan Thiết 2	
113	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-TDT Kiên cố hóa kênh Ma Rên	Cấp IV	838	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
114	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-DT Kênh tiếp nước Sông Móng - Hàm Cầm, huyện Hàm Thuận Nam	Cấp IV	733	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận	
115	Gói thầu số 11: Tư vấn khảo sát thiết kế BVTC - Dự toán tuyến kênh từ hồ Tân Lập đến hồ Tà Mon công trình: Chuyển nước hồ Sông Móng - hồ Đu Đủ - hồ Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam		689	Cty Khai thác CTTL Bình Thuận	
116	Tư vấn Gia cố, nâng cấp mương Chai đoạn từ K2+410 đến KC thuộc kênh Chàm HT Nha Trinh		650	Công ty TNHH MTV Khai Thác Công trình Thủy Lợi	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
117	Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng Kiên cố kênh đập Lại Giang dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh Miền Trung - Khoản vay bổ sung	Cấp III	642	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	
118	Khảo sát, thiết kế hệ thống kênh Đạ Đòn	Cấp IV	600	Ban QLDA đầu tư và xây dựng sở NN&PTNT Lâm đồng	
119	Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án Cải tạo, nâng cấp kênh Chàm và đường giao thông kết hợp quản lý kênh chính Nam, thuộc hệ thống thủy lợi Nha Trinh - Lâm Cầm thuộc dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh Miền Trung - Khoản vay bổ sung tỉnh Ninh Thuận - Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương cấp 2 của kênh Chàm		595	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Thuận	
120	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai đối với Hệ thống kênh tưới Văn Phong, Dự án: Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung		592	Ban QLDA NN&PTNT tỉnh Bình Định	
121	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Cấp nước tạm thời phục vụ nước tưới khu tái định canh - Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	Cấp IV	542	Ban QLDA Ngành Nông nghiệp Ninh Thuận	
122	Khảo sát Lập DADT dự án: Cải tạo kênh tiêu Suối Chùa (T4-2), huyện Tánh Linh	Cấp IV	500	Ban QLDA huyện Tánh Linh	
123	VI. NƯỚC SINH HOẠT, HẠ TẦNG CƠ SỞ				



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
124	Tư vấn khảo sát, điều chỉnh bổ sung (lần 2) dự án Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc kênh Nam	Cấp IV	1651	Ban Xây dựng năng lực và quản lý dự án tài nguyên nước	
125	Tư vấn Khảo sát, lập thiết kế Bản vẽ thi công và dự toán dự án: Hệ thống cấp nước Cam Hiệp Bắc		1582	Sở NN và PTNT tỉnh Khánh Hòa	
126	Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công - Tổng dự toán công trình Hệ thống cấp nước Sơn Hải, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận		1282	Ban Xây dựng năng lực và quản lý dự án tài nguyên nước	
127	Hệ thống cấp nước Sơn Hải, xã Phước Dinh huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận		1281	Ban Xây dựng năng lực và quản lý dự án Tài nguyên nước tỉnh Ninh Thuận	
128	Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công - Tổng dự toán công trình Hệ thống cấp nước Sơn Hải, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.	Cấp IV	1281	Ban Xây dựng năng lực và quản lý dự án tài nguyên nước	
129	Hệ thống cấp nước ngọt nuôi tôm Phù Mỹ	Cấp IV	1050	Ban quản lý dự án ĐT và XD huyện Phù Mỹ	
130	Tư vấn Lập TKBVTC DA Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng muối Đề Gi (GĐ2)		1031	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định	
131	Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản Long Thạnh, thị xã Sông Cầu		858	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã sông cầu	
132	Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng công trình: công trình Nước sinh hoạt Suối Lạnh		642	Trung tâm nước sạch & VSMT nông thôn Ninh Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
133	Tư vấn khảo sát địa hình giai đoạn thiết kế kỹ thuật - thi công Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống cấp nước Sơn Hải, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.		621	Ban Xây dựng năng lực và quản lý dự án tài nguyên nước	
134	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-TDT Hệ thống cấp nước Ninh Bình - Ninh Quang - Ninh Hưng	Cấp III	582	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn Khánh Hòa	
135	Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-TDT Hệ thống cấp nước sinh hoạt Ninh Trung - Ninh Thành - Ninh Đông	Cấp III	577	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn Khánh Hòa	
136	Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Xây dựng Hệ thống cấp nước Tân Mỹ, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn		568	Trung tâm nước sạch &VSMT nông thôn Ninh Thuận	
137	Tư vấn Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mở rộng hệ thống cấp nước Suối Lạnh cấp cho xã Phước Thành.		535	Trung tâm nước sạch &VSMT nông thôn Ninh Thuận	
138	Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Phước Trung		507		
139	VII. GIAO THÔNG				
140	Công trình: Đường liên huyện dọc kênh chính qua huyện Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình Tuy Phong		6347	Ban QLDA ĐTXD - Chi cục PTNT Bình Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
141	Công trình: Đường liên huyện dọc kênh chính qua huyện Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình Tuy Phong		1862	Ban QLDA ĐTXD - Chi cục PTNT Bình Thuận	
142	Khảo sát, lập TKBVTC-DT công trình Đường dân sinh hai bên bờ Sông Cát	Cấp IV	500	Ban QLDA huyện Tánh Linh	
143	Nạo vét khơi thông luồng, kết hợp tận thu cát nhiễm mặn khu vực cửa biển Tam Quan	Cấp IV	497	Ban quản lý dự án ĐT và XD huyện Hoài Nhơn	
144	Tư vấn lập dự án Đường vào Cảng Cà Ná giai đoạn 2		254	Ban Quản lý Dự án ngành Nông Nghiệp tỉnh Ninh Thuận	
145	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Nâng cấp sửa chữa đường vận chuyển nông sản khu vực phía Bắc thôn Bà Râu 1	Cấp IV	109	Ban phát triển xã Lợi Hải, Ninh Thuận	
146	Tư vấn Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Đông Tác		108	Ban QLDA ĐTXD các CT NN&PTNT tỉnh Phú Yên	
147	Đường giao thông nông thôn Đông Anh 3	Cấp V	50	UBDN thị trấn Nam Ban, Lâm Đồng	
148	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Gia cố đường lênh vai đập hồ chứa nước Bầu Ngù - hệ thống hồ Bầu Ngù	Cấp IV	48	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
149	Sửa chữa, nâng cấp các trục đường giao thông tổ dân phố 5		31	Ban Quản lý dự án xây dựng Đăk Mil	
150	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Đường tràn Suối Đá	Cấp IV	29	Ban QL các công trình hạ tầng huyện Thuận Bắc	
151	Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT Tràn và đường nội bộ Bà Râu	Cấp IV	28	Ban QL các công trình hạ tầng huyện Thuận Bắc	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
152	IX. KÊNH TIÊU VÀ TIÊU THOÁT LŨ				
153	Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng Tu sửa, nâng cấp hệ thống tiêu lũ Lu 1, Lu 2 – Hệ thống tiêu Sông Lu	Cấp III	2777	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
154	Nâng cấp kênh tiêu T1(T8N), huyện Đức Linh		1862	Ban QLDA Đầu tư xây dựng, huyện Đức Linh	
155	Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng Nạo vét và gia cố hệ thống tiêu lũ Sông Quao	Cấp III	1270	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
156	Cải tạo kênh tiêu Suối Cây Xoài (Đoạn qua xã Nghĩ Đức - Đức Tân, huyện Tánh Linh)		460	Ban QLDA Đầu tư xây dựng, huyện Tánh Linh	
157	Tiêu thoát lũ chống ngập úng đồng Bầu Lát, xã Cát Hưng		301	Ban QLDA H. Phù Cát	
158	Tiêu thoát khu công nghiệp Nhơn Hòa	Cấp IV	240	Chi cục thủy lợi ĐĐ&PCLB Bình Định	
159	Mở rộng kênh tiêu Võ Xu		216	Ban Xây dựng năng lực và quản lý dự án tài nguyên nước	
160	Lập BCKTKT Kênh tiêu Ba Huyện		203	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định	
161	X. TRẠM BƠM				
162	Tư vấn Trạm bơm Gò Cốc		498	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT Bình Định	
163	Tư vấn khảo sát lập BCKTKT Trạm bơm cấp nước tại thôn Trường Sanh xã Phước Hậu		86	Ban Quản lý các công trình hạ tầng huyện Ninh Phước	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
164	Tư vấn khảo sát lập BCKTKT Trạm bơm cấp nước tại thôn Phước Kháng xã Phước Thuận		51	Ban Quản lý các công trình hạ tầng huyện Ninh Phước	
165	Khảo sát – lập BCKTKT xây dựng công trình cấp nước tạm thời phục vụ nước tưới cho khu tái định canh HTTL Tân Mỹ, huyện Bắc Ái, hạng mục trạm bơm và đường ống			Ban Quản lý dự án ngành Nông nghiệp	
166	B. TUẤN GIÁM SÁT				
167	I. HỒ CHÚA				
168	Hồ chứa nước Sông Biêu	Cấp IV	1471	Ban QLDA Nông nghiệp Ninh Thuận	
169	Giám sát thủy điện An Phước		930	Công ty CP thủy điện Liên Gích	
170	Tư vấn giám sát công trình Hồ chứa nước Lanh Ra	Cấp II	769	Ban QLDA ODA ngành Nông nghiệp Ninh Thuận	2008-2014
171	Tư vấn giám sát công trình Hồ chứa nước Trà Co	Cấp III	476	Ban QLDA ngành CSHT Nông thôn	
172	Sửa chữa nâng cấp cụm hồ chứa nước Hóc Cau - Cửa Khâu	Cấp III	431	Ban QLDA PTNT TH các tỉnh Miền Trung - tỉnh Bình Định	
173	GS Thi công công trình Hai hồ chứa Bắc đảo Phú Quý gói thầu số 04	Cấp IV	380	Ban QLDA huyện Phú Quý	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
174	Gói thầu số 21 (tư vấn) giám sát thi công gói thầu số 17 (EPC): Khảo sát địa chất – Lập thiết kế bản vẽ thi công và thi công chống thấm thân đập, dự án hồ chứa nước Gia Măng, huyện Xuân Lộc		369	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai	
175	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Hồ Xoài. Hạng mục: Tràn xả lũ	Cấp IV	117	Ban QLDA ĐT&XD huyện Phù Cát	
176	II. ĐẬP DÂNG				
177	Hệ thống Đập và kênh Cây Ké thuộc tiêu dự án thủy lợi Latinh	Cấp IV	457	Ban QLDA Thủy lợi Bình Định	
178	GS thi công công trình đập mối đập dâng nước Sông Tho, huyện Bắc Bình	Cấp IV	400	Ban QLDA Đầu tư XDCB - Chi cục PTNT tỉnh Bình Thuận	
179	Giám sát gói thầu số 15 công trình đập sông Tho, huyện Bắc Bình		243	Ban QLDA ĐTXD - Chi cục PTNT Bình Thuận	
180	III. ĐÊ, KÈ SÔNG				
181	Tư vấn giám sát công trình Chỉnh trị hạ lưu Sông Tắc - Sông Quán Trường	Cấp IV	2147	Ban QLDA các công trình Giao thông & Thủy lợi Khánh Hòa	
182	GS Kè bảo vệ khu dân cư Sông Cát, huyện Tánh Linh (Gói thầu số 03)	Cấp IV	450	Ban QLDA huyện Tánh Linh	
183	Đê Xã Mão GĐ1	Cấp IV	147	Ban quản lý dự án ĐT và XD huyện Phù Cát	
184	Đê và tràn Phú Giáo, xã Cát Thắng	Cấp IV	84	Ban quản lý dự án ĐT và XD huyện Phù Cát	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
185	Đê BẠn Xoài – An Thuận	Cấp IV	79	Ban quản lý dự án ĐT và XD huyện Tuy Phước	
186	Gia cố chống xói lở bờ sông Kon (Đoạn Thông Chín – BẠn Xoài)	Cấp IV	76	Ban quản lý dự án ĐT và XD huyện Tuy Phước	
187	Tư vấn giám sát kè gia cố mái đất hồ Tuyền Lâm		75	Chi cục thủy lợi Lâm Đồng	
188	IV. ĐÊ, KÈ BIỂN				
189	Giám sát Cải tạo đê chắn sóng cảng Phú Quý		2963	Trung tâm QLDA &TVXD CTGT Bình Thuận	
190	GS thi công Kè bảo vệ bờ biển xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam	Cấp III	918	Ban QLDA Đầu tư XDCB - Chi cục PTNT tỉnh Bình Thuận	
191	Tư vấn giám sát công trình Tư vấn giám sát công trình TCXD Hoàn thiện mặt cắt đê bao ven đầm từ công C5 đến mặt cắt KC và các công C6 đến C14 thuộc DAĐTXD công trình CSHT và HTTL cấp thoát nước mặn, lợ, ngọt phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực Đàm Nại, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (Giai đoạn I)	Cấp IV	644	Ban QLDA ODA Ngành Nông Nghiệp tỉnh Ninh Thuận	
192	Kè chống xói lở bờ sông, bờ biển khu dân cư nội thị thị trấn Sông Cầu - Hạng mục hệ thống kè khu A	Cấp III-IV	499	Ban QLDA ĐT&XD thị xã Sông Cầu	
193	GS thi công Kè bảo vệ bờ biển xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam	Cấp IV	300	Ban QLDA huyện Hàm Thuận Nam	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
194	Kè chống xói lở bờ sông, bờ biển khu dân cư nội thị thị trấn Sông Cầu - Hạng mục hệ thống kè khu B	Cấp III-IV	298	Ban QLDA ĐT&XD thị xã Sông Cầu	
195	Kè chống xói lở bờ sông, bờ biển khu dân cư nội thị thị trấn Sông Cầu - Hạng mục đắp đất hộ đê hệ thống kè khu A và khu B	Cấp III-IV	278	Ban QLDA ĐT&XD thị xã Sông Cầu	
196	V. KÊNH MUÔNG				
197	Công trình: Kênh chuyển nước hồ Sông Dinh 3 - hồ Núi Đát, huyện Hàm Tân & Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận		1185	Ban QLDA ĐTXD - Chi cục PTNT Bình Thuận	
198	GS thi công gói thầu xây lắp số 4 và số 5 Tiểu dự án Nâng cấp hệ thống thủy lợi Hồ Cà Giây, huyện Bắc Bình thuộc dự án Phát triển Nông Thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung tỉnh Bình Thuận	Cấp IV	985	Ban QLDA Phát triển Nông Thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung tỉnh Bình Thuận	
199	Nâng cấp kênh chính Ku Kê-Phú Sơn 13,23km	Cấp IV	943	Ban QLDA Phát triển Nông Thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung tỉnh Bình Thuận	
200	Tư vấn giám sát gói thầu số 03 (TDA4-XL3/TL/2015) Xây dựng và lắp đặt cho toàn bộ dự án thành phần Nâng cấp, kiên cố hóa kênh cấp I Sông Quao, thuộc Dự án phát triển Nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung tỉnh Bình Thuận	Cấp IV	709	Ban Quản lý Dự án Phát triển Nông thôn Tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung tỉnh Bình Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
201	Tư vấn giám sát thi công gói thầu số 2,3 Công trình: Kênh tiếp nước Tà Mú - Suối Măng		563	Ban QLDA ĐTXD - Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Bình Thuận	
202	Tư vấn giám sát Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh công trình thủy lợi Đạ Těh, huyện Đạ Těh, tỉnh Lâm Đồng		524	Ban quản lý dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên tỉnh Lâm Đồng	
203	GS thi công Kiên cố hóa kênh chính Trạm bơm Gia An, huyện Tánh Linh (Gói thầu số 03)	Cấp IV	350	Ban QLDA huyện Tánh Linh	
204	(Gói thầu số 9a) Di dân, tái định cư, định canh, GPMB thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống thủy lợi Tà Pao	Cấp IV	324	Ban QLDA huyện Tánh Linh, Bình Thuận	
205	GS gói thầu số 4 Tiêu dự án Nâng cấp kênh cấp I Sông Quao N3, huyện Hàm Thuận Bắc thuộc dự án Phát triển Nông Thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung tỉnh Bình Thuận	Cấp IV	300	Ban QLDA Phát triển Nông Thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung tỉnh Bình Thuận	
206	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi đầm Trà Ô	Cấp IV	298	Ban QLDA PTNT TH các tỉnh Miền Trung, tỉnh Bình Định	
207	Tư vấn giám sát công trình Gói thầu 13: Tư vấn giám sát công trình TCXD Gói thầu 08 - Xây lắp công trình: Cải tạo, nâng cấp đoạn đầu và đoạn cuối kênh Chính Nam thuộc HT thủy lợi Nha Trinh - Lâm Cám	Cấp III	294	Ban QLDA PTNT TH các tỉnh Miền Trung, tỉnh Ninh Thuận	
208	GS thi công Nạo vét và gia cố kênh tiêu Ku Kê -Phú Sơn, Hàm Thuận Bắc	Cấp IV	250	Ban QLDA Đầu tư XDCB - Chi cục PTNT tỉnh Bình Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
209	Tư vấn giám sát công trình Gói thầu 12: Tư vấn giám sát công trìnhTCXD Gói thầu 07 - Xây lắp công trình: Cải tạo, nâng cấp đoạn đầu kênh Chính Bắc thuộc HT thủy lợi Nha Trinh - Lâm Cầm	Cấp III	187	Ban QLDA PTNT TH các tỉnh Miền Trung, tỉnh Ninh Thuận	
210	Tư vấn giám sát công trình Gói thầu 11: Tư vấn giám sát công trìnhTCXD Gói thầu 06 - Xây lắp công trình: Cải tạo, nâng cấp đoạn đầu kênh Chính Bắc thuộc HT thủy lợi Nha Trinh - Lâm Cầm	Cấp III	183	Ban QLDA PTNT TH các tỉnh Miền Trung, tỉnh Ninh Thuận	
211	Tư vấn giám sát khảo sát công trình: Kênh chuyển nước hồ Sông Dinh 3- hồ Núi Đát		112	Ban QLDA ĐTXD - Chi cục PTNT Bình Thuận	
212	Tư vấn giám sát Các hạng mục bổ sung công trình: Nạo vét và gia cố kênh chính Ku Kê-Phú Sơn		71	Ban QLDA ĐTXD - Chi cục PTNT Bình Thuận	
213	VI. NƯỚC SINH HOẠT, HẠ TẦNG CƠ SỞ				
214	Gói thầu số 18b: Tư vấn giám sát thi công các gói thầu số 12, 12a, công trình Cấp nước khu Lê Hồng Phong, huyện Bắc Bình		540	Cty Khai thác CTTL Bình Thuận	
215	Tư vấn giám sát công trình Hệ thống cấp nước Diên Sơn - Diên Điền	Cấp IV	476	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn Khánh Hòa	
216	Tư vấn giám sát Hệ thống cấp nước Diên Lộc - Diên Bình - Diên Hòa		424	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
217	Tư vấn giám sát Hệ thống cấp nước Diên Xuân - Diên Lâm - Diên Khánh		271	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	
218	Tư vấn giám sát công trình NSH Diên Đồng	Cấp III	265	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn Khánh Hòa	
219	GS Nâng cấp, xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch và xử lý nước thải tại Cơ sở 1 Trường Cao đẳng nghề Cơ điện – Xây dựng và Nông Lâm Trung Bộ	Cấp IV	202	Trường cao đẳng nghề Cơ điện – xây dựng và Nông lâm Trung bộ	
220	Tư vấn giám sát Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đạ Oai	Cấp IV	199	Trung tâm nước sạch và VSMTNT tỉnh Lâm Đồng	
221	Tư vấn giám sát công trình Hệ thống thoát lũ chợ Gò Sạn - Bắc Phong	Cấp IV	26	Ban QL các công trình hạ tầng huyện Thuận Bắc	
222	VII. GIAO THÔNG				
223	Tư vấn giám sát Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận (giai đoạn 1)	Cấp IV	2926	Ban QLDA Thủy Sản Bình Thuận	
224	GS Mở rộng và nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão kết hợp Cảng cá cửa biển Lagi, thị xã Lagi	Cấp IV	1134	Ban QLDA Đầu tư XDCB – Chi cục PTNT Bình Thuận	
225	Tư vấn giám sát hạng mục Nạo vét luồng và khu nước neo đậu công trình: Nâng cấp, mở rộng cảng cá LaGì, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận	Cấp IV	493	Ban QLDA ĐTXD - Chi cục PTNT Bình Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
226	Tư vấn giám sát công trình Tư vấn giám sát công trìnhTCXD gói thầu số 14: Xây dựng cầu số 2 & số 3 thuộc dự án thành phần Đường ven biển Vĩnh Hy – Ninh Chữ	Cấp III	341	Ban QLDA Các công trình Giao thông tỉnh Ninh Thuận	
227	GS Sửa chữa vừa đường tỉnh 708	Cấp III	187	Ban Quản lý các dự án giao thông Ninh Thuận	
228	Tư vấn giám sát công trình Đường giao thông nông thôn Ma Trai	Cấp IV	19	Ban QL Các công trình hạ tầng huyện Thuận Bắc	
229	VIII. XÂY DỰNG DÂN DỤNG				
230	Giám sát gói thầu số 9a: Toàn bộ phần xây lắp và thiết bị khu Tái định canh xã La Ngâu		322	Ban QLDA huyện Tánh Linh	
231	GS thi công CT: Khối 18 phòng học Trường tiểu học Quý Thanh, huyện Phú Quý (Gói thầu số 01)	Cấp III	196	Ban QLDA huyện Phú Quý	
232	GS thi công Nhà Đội 2		86	Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Lâm Đồng	
233	Trung tâm dạy nghề, huyện Phú Quý (Gói thầu số 03)	Cấp III	48	Ban QLDA huyện Phú Quý	
234	GS thi công CT: Khối 18 phòng học Trường tiểu học Quý Thanh, huyện Phú Quý (Gói thầu số 03)	Cấp III	46	Ban QLDA huyện Phú Quý	
235	IX. GIÁM SÁT KHẢO SÁT				



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
236	TVGS khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán :Hạng mục: Tuyến kè bảo vệ Khu dân cư - thương mại - dịch vụ La Gi	Cấp IV	600	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Vi Nam	
237	TVGS khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công : Dự án: Kênh chuyển nước hồ Sông Dinh 3- hồ Núi Đất, huyện Hàm Tân và thị xã La Gi.	Cấp IV	123	Ban QLDA Đầu tư XD&CB-Chi cục PTNT Bình Thuận	
238	TVGS khảo sát: Công trình: Tiểu dự án Kênh tưới Đu Đủ - Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam thuộc dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	Cấp IV	112	Ban QLDA Nâng cao hiệu quả sử dụng nước bị ảnh hưởng bởi hạn hán của tỉnh Bình Thuận	
239	Gói thầu số 18 (tu vấn) giám sát khảo sát địa chất gói thầu số 17 (EPC): Khảo sát địa chất – Lập thiết kế bản vẽ thi công và thi công chống thấm thân đập, dự án hồ chứa nước Gia Măng, huyện Xuân Lộc		20	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai	
240	TV GS khảo sát, lập thiết kế BVTC công trình Đường nối cuối lộ 1A đi DT,720 xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân.	Cấp III	19	Ban QLDA Đầu tư XD&CB-Chi cục PTNT Bình Thuận	
241	TV GS khảo sát lập dự án: Công trình: Mở rộng và nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão kết hợp Cảng cá cửa biển La gi, thị xã La gi.	Cấp IV	15	Ban QLDA Đầu tư XD&CB-Chi cục PTNT Bình Thuận	
242	TV GS khảo sát lập dự án: Dự án: Kênh chuyển nước Hồ Sông Dinh 3-Hồ Núi Đất, huyện Hàm Tân và thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.	Cấp IV	15	Ban QLDA Đầu tư XD&CB-Chi cục PTNT Bình Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
243	TVGS khảo sát giai đoạn lập dự án: Gói thầu số 1b: Công trình: Cáp nước Xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân thuộc dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra	Cấp IV	15	Ban QLDA Đầu tư XDCB-Chi cục PTNT Bình Thuận	
244	TVGS khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán : Dự án: Mở rộng và nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão kết hợp Cảng cá cửa biển LaGi, thị xã LaGi.	Cấp IV	11	Ban QLDA Đầu tư XDCB-Chi cục PTNT Bình Thuận	
245	TVGS khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công : Gói thầu số 2: Công trình: Cáp nước Xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân thuộc dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra	Cấp IV	2	Ban QLDA Đầu tư XDCB-Chi cục PTNT Bình Thuận	
246	C. TƯ VẤN THẨM TRA				
247	I. HÒ CHÚA				
248	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 1 – Hệ thống thủy lợi Lỗ Chài 1	Cấp III	183	Ban quản lý đầu tư hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên	
249	Hồ chứa nước ngọt Nhơn Châu	Cấp III	160	Ban QLDA ĐT&XD Thành phố Quy Nhơn	
250	Tư vấn thẩm tra BVTC Nâng cấp hồ chứa nước Lỗ Ân	Cấp III	120	Ban QLDA Thủy lợi và Phòng chống thiên tai tỉnh Bình Định	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
251	Nâng cấp hồ chứa nước Hóc Môn	Cấp III	104	Ban QLDA ĐT&XD huyện Phù Mỹ	
252	Hệ thống thủy lợi Hàm Liêm- Hàm Càn		90	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Thuận	
253	Tư vấn thẩm tra Nâng cấp đập dâng Suối Cầu và đường quản lý kết hợp giao thông, thuộc dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung		89	Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp - Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung tỉnh Phú Yên	
254	Sửa chữa nâng cấp Hồ chứa nước Mỹ Thuận	Cấp III	88	Ban QLDA Thủy lợi Bình Định	
255	Hồ chứa nước Hội Khánh	Cấp II	85	Ban QLDA Thủy lợi Bình Định	
256	Tư vấn thẩm tra BVTC Hồ chứa nước Sông Móng - gói thầu 6 và 7	Cấp III	75	Sở NN&PTNT Bình Thuận; Đơn vị trực tiếp quản lý: Trung tâm QLDA & TVXD công trình NN & PTNT Bình Thuận	
257	Tư vấn thẩm tra BVTC Hồ chứa nước Trong Thượng	Cấp IV	48	Ban QLDA Thủy lợi tỉnh Bình Định	
258	II. ĐẬP DÂNG				
259	Thẩm tra TKBVTC, dự toán sửa chữa đảm bảo an toàn đập hồ Đạ Těh		142	Ban quản lý nâng cao an toàn đập tỉnh Lâm Đồng (WB8)	
260	Đập dâng Cầu Sắt	Cấp IV	36	Ban QLDA ĐT&XD huyện Phù Mỹ	
261	III. ĐÊ, KÈ SÔNG				



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
262	Gói thầu số 3: Thảm tra TKBVTC các hạng mục thuộc gói thầu số 01-EC, thuộc dự án: Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn		294	Ban QLDA Thủy lợi	
263	Kè chống xói lở khu dân cư Phường Xuân Thành		170	BQL các CTĐT và XDCB thị xã Sông Cầu	
264	Tư vấn thẩm tra BVTC-TDT Kè bờ tả tại khu vực cầu La Hai mới thuộc dự án Hệ thống thoát lũ bảo vệ dân cư dọc sông Kỳ Lộ, các huyện Đồng Xuân, Tuy An	Cấp IV	124	Ban QLDA Thủy lợi và Phòng chống thiên tai tỉnh Phú Yên	
265	Kè chống xói lở bờ biển khu dân cư thị trấn Sông Cầu	Cấp III-IV	80	Ban QLDA ĐT&XD thị xã Sông Cầu	
266	Tư vấn thẩm tra BVTC-TDT Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập Ông Tán thuộc dự án Hệ thống thoát lũ bảo vệ dân cư dọc sông Kỳ Lộ, các huyện Đồng Xuân, Tuy An	Cấp IV	74	Ban QLDA Thủy lợi và Phòng chống thiên tai tỉnh Phú Yên	
267	Đê sông Cạn	Cấp IV	16	Ban QLDA ĐT&XD huyện Phù Mỹ	
268	IV. ĐÊ, KÈ BIỂN				
269	Tư vấn thẩm tra Sửa chữa khẩn cấp đoạn đê phường Đông Hải, đê bảo vệ bờ biển và kè chống sạt lở bờ sông khu vực thôn Phú Thọ		5923	Chi Cục Thủy lợi Ninh Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
270	Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC: Mở rộng và nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão kết hợp Cảng cá cửa biển Lagi, thị xã Lagi	Cấp IV	148	Ban QLDA ĐTXD cơ bản - Chi cục phát triển nông thôn Bình Thuận	
271	Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC - Dự toán công trình: Kè bảo vệ bờ biển xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam	Cấp III	120	Ban QLDA Đầu tư XDCB - Chi cục PTNT tỉnh Bình Thuận	
272	Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC - Dự toán công trình: Kè chống xâm thực ổn định bờ biển đảo Phú Quý giai đoạn 1	Cấp III	110	Ban QLDA huyện Phú Quý	
273	Tư vấn thẩm tra BVTC-TDT Kè chống xâm thực ổn định bờ biển huyện Phú Quý, giai đoạn I	Cấp IV	106	Ban QLDA huyện Phú Quý	
274	Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC - Dự toán công trình: Kè bảo vệ bờ biển phường Đức Long	Cấp III	90	Ban QLDA thành phố Phan Thiết	
275	Kè chống xói lở bờ biển khu dân cư thị trấn Sông Cầu	Cấp III-IV	80	Ban QLDA ĐT&XD thị xã Sông Cầu	
276	V. KÊNH MUỐNG				
277	Kênh tưới Thượng Sơn thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi tỉnh Bình Định và Hưng Yên (TKBVTC - DT)	Cấp III	321	Ban QLDA Thủy lợi Bình Định	
278	Tư vấn thẩm tra BVTC-TDT Hệ thống kênh cấp 2, cấp 3 hố chứa nước Lanh Ra		154	Ban QLDA Ngành Nông Nghiệp tỉnh Ninh Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
279	Tư vấn thẩm tra BVTC-TDT Hệ thống mương cấp 2, cấp 3 Hồ chứa nước Cho Mo thuộc DA Thủy lợi vừa và nhỏ tỉnh Ninh Thuận	Cấp IV	121	Ban QLDA ODA Ngành Nông Nghiệp tỉnh Ninh Thuận	
280	Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC - Dự toán công trình: Hệ thống Thủy lợi Hàm Liêm Hàm Cầu	Cấp III	120	Bộ chỉ huy QS tỉnh Bình Thuận	
281	Tư vấn thẩm Kênh dẫn nước Vũng Bèo		18	Ban quản lý các công trình hạ tầng huyện Ninh Hải.	
282	VI. NƯỚC SINH HOẠT, HẠ TẦNG CƠ SỞ				
283	Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên - giai đoạn 1 (điều chỉnh) hạng mục Hồ Lỗ Chài		184	Ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên	
284	Xây dựng các công trình Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 hạng mục: Âu Thuyền		148	Ban quản lý dự án di dân, tái định cư nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận	
285	Hạ tầng vùng nuôi trồng Thủy sản Long Thạnh		92	BQL các CTĐT và XDCB thị xã Sông cầu	
286	Tư vấn thẩm tra lập DAĐTXD Cấp nước xã Suối Trai và EaChaRang	Cấp III	60	Trung tâm NSH&VSMTNT tỉnh Phú Yên	
287	Nâng cấp, xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch và xử lý nước thải tại Cơ sở 1 Trường Cao đẳng nghề Cơ điện – Xây dựng và Nông Lâm Trung Bộ	Cấp IV	27	Trường CĐ Nghề Cơ điện - XD và Nông Lâm Nam Trung Bộ	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
288	VI. GIAO THÔNG				
289	Bến cá Nhơn Lý thuộc dự án “Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững” tỉnh Bình Định	Cấp IV	89	Ban quản lý dự án CRSD tỉnh Bình Định	
290	Bến cá Tân Phụng thuộc dự án “Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững” tỉnh Bình Định	Cấp IV	50	Ban quản lý dự án CRSD tỉnh Bình Định	
291	VII. XÂY DỰNG DÂN DỤNG				
292	Khu tái định canh thuộc Dự án di dân, tái định cư của các dự án Nhà máy điện hạt nhân tại Ninh Thuận		131	Ban quản lý dự án di dân, tái định cư nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận	
293	Khu tái định cư của các dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2		112	Ban quản lý dự án di dân, tái định cư nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận	
294	Trường tiểu học Bình Thạnh, huyện Tuy Phong	Cấp III	12	Ban QLDA huyện Tuy Phong	
295	Trung tâm bồi dưỡng chính trị, huyện Tuy Phong	Cấp III	10	Ban QLDA huyện Tuy Phong	
296	D. QUY HOẠCH, SỐ HÓA BẢN ĐỒ				
297	Quy hoạch thủy lợi huyện Lâm Hà đến 2020	Cấp IV	761	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Lâm Hà	
298	Quy hoạch nước sạch và VSMTNT tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020	Cấp IV	746	Trung tâm nước sạch và VSMTNT tỉnh Lâm Đồng	
299	Quy hoạch nước sạch và VSMTNT tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010	Cấp IV	500	Trung tâm nước sạch và VSMTNT tỉnh Lâm Đồng	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
300	Quy hoạch nước sạch và VSMTNT tỉnh Đồng Nai đến năm 2020	Cấp IV	482	Trung tâm nước sạch và VSMTNT tỉnh Đồng Nai	
301	Tư vấn Điều tra, thống kê, số hóa bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi đến 2014		2163	Chi Cục thủy lợi Bình Thuận	
302	Quy hoạch nước sạch và VSMT NT tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025	Cấp III	800	Trung tâm nước sạch và VSMTNT tỉnh Khánh Hòa	
303	Số hóa xây dựng bản đồ hiện trạng khu tưới kênh bắc thuộc HTNT-LC		500	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
304	Số hóa xây dựng bản đồ hiện trạng khu tưới kênh tần tài, kênh tân hội thuộc kênh chính bắc, hệ thống nha trinh lâm cấm (giai đoạn 2)		499	Công ty TNHH MTV Khai Thác Công trình Thủy Lợi	
305	Quy hoạch hệ thống thoát nước khu trung tâm phía Bắc thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Cấp IV	490	Ban điều phối DA QLTH nguồn nước và PTĐT liên quan đến BĐKH tại tỉnh Bình Thuận	
306	Quy hoạch hệ thống thoát nước khu trung tâm phía Bắc thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/2000 thuộc dự án Quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu tại Bình Thuận		489	Ban điều phối DA QLTH nguồn nước và PTĐT liên quan đến BĐKH tại tỉnh Bình Thuận	
307	Tính toán thủy lực, xây dựng bản đồ ngập lụt thuộc dự án xác định cốt cao độ quy hoạch xây dựng Khu đô thị - Công viên - Trung tâm hành chính mới của tỉnh Khánh Hòa		446	Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
308	Quy hoạch Rau hoa công nghệ cao thôn Đạ ty		325	Phòng NN&PTNT huyện Lâm Hà	
309	Quy hoạch chi tiết tiêu thoát lũ khu vực KCN Nhơn Hòa và khu dân cư phục vụ KCN Nhơn Hòa		291	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định	
310	Quy hoạch phân khu chức năng 1/2000, hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và dịch vụ hậu cần nghề cá Tam Quan		234	Ban QLDA Thủy lợi Bình Định	
311	Quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1/500 Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và dịch vụ hậu cần nghề cá Tam Quan (GĐ1)		52	Ban QLDA ĐTXD huyện Hoài Nhơn	
312	E. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH				
313	Tư vấn kiểm định Ban 7: Công trình Hồ chứa nước Tà Rục, Hệ thống thủy lợi Tà Pao	Cấp II	1239	Ban 7	
314	Tư vấn kiểm định công trình Kiểm định hồ chứa nước Suối Dầu	Cấp II	1026	Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Nam Khánh Hòa	
315	Kiểm định An toàn đập Hồ chứa Nước Cà Giây, huyện Bắc Bình	Cấp III	982	Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Bình Thuận	
316	Tư vấn kiểm định công trình Kiểm định hồ chứa nước Cam Ranh	Cấp II	973	Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Nam Khánh Hòa	
317	Tư vấn kiểm định công trình Kiểm định hồ chứa nước Sông Trâu	Cấp II	821	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
318	Tư vấn kiểm định công trình Kiểm định hồ chứa nước Tân Giang	Cấp II	517	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	
319	F. TU' VÂN ĐẦU THẦU				
320	Tư vấn đầu thầu công trình: Thoát nước phía hạ lưu đường ĐT706B - Cửa ra số 2&3		30	Ban QLDA Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	
321	Các công trình thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Bình Thuận		25	Ban QLDA Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	
322	Tư vấn đầu thầu Đề án: Đánh giá tác động của việc xây dựng hồ La Ngà 3, tỉnh Bình Thuận đối với vùng hạ du sông Đồng Nai		14	Chi Cục thủy lợi Bình Thuận	
323	G. THÍ NGHIỆM				
324	Thí nghiệm, kiểm định chất lượng các công trình		250	Chủ đầu tư, Nhà thầu xây lắp các công trình.	
325	Thí nghiệm VLXD và kiểm định chất lượng công trình xây dựng gói thầu số 19KN, Dự án hệ thống Thủy lợi Tà Pao, tỉnh Bình Thuận		84	Dự án hệ thống Thủy lợi Tà Pao, tỉnh Bình Thuận, Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Đạt	
326	Công trình: Hệ thống kênh cấp 2, cấp 3 Lanh Ra		83	Ban Nông nghiệp Ninh Thuận	
327	Công trình: Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao Làng Việt		44	Công ty TNHH Tổng hợp Minh Châu	



TT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Tên chủ đầu tư	Ghi chú
328	Thí nghiệm Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Vĩnh Tân (Động từ bờ), huyện Tuy Phong (Giai đoạn 1). Gói thầu số 3: Xây lắp hạng mục san nền, đường giao thông và hệ thống thoát nước.		41	Công ty TNHH Xây dựng Phan Đình	
329	H. TUẤN KHÁC				
330	Hoạt động Pim 2016 và Chương trình nâng cao năng lực về Pim cho cán bộ cấp tỉnh, huyện		1649	Ban Quản lý Dự án ngành Nông Nghiệp tỉnh Ninh Thuận	
331	Nâng cấp và cải tạo hệ thống xử lý môi trường cảng cá Quy Nhơn, dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững		465	Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định	
332	Gói thầu Tính toán thủy lực, xây dựng bản đồ ngập lụt và xác định cao độ quy hoạch xây dựng khu đô thị - Công viên - Trung tâm hành chính mới của tỉnh Khánh Hòa	Cấp IV	446	Sở Xây dựng Khánh Hòa	
333	Tư vấn Trung tâm cá KOI Nhật Bản		234	Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định	
334	Nâng cấp và cải tạo hệ thống xử lý môi trường cảng cá Quy Nhơn, DA: Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD)		227	Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định	



B. Phụ lục 3.2

Danh sách Lực lượng đội ngũ chuyên môn kỹ thuật

TT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chức danh, nghề nghiệp
I	Chuyên ngành Kỹ thuật Tài nguyên nước		
1	Mai Quang Khoát	Thạc sỹ	Viện Trưởng – GĐ chi nhánh Bình Thuận, KTTNN, Công trình
2	Đỗ Cảnh Hào	Thạc sỹ	Phó Viện Trưởng – GĐ chi nhánh Bình Định, KTTNN
3	Nguyễn Công Thành	Đại học	PGĐ chi nhánh Bình Thuận, KTTTN
4	Nguyễn Thị Sang	Đại học	KTTNN
5	Phạm Văn Lý	Thạc sỹ	KTTNN
6	Hoàng Đình Thư	Đại học	KTTNN
7	Phạm Quang Mạnh	Thạc sỹ	KTTNN
8	Hồ Hữu Luận	Đại học	KTTNN
9	Trần Thanh Phương	Đại học	KTTNN
10	Nguyễn Thanh Toàn	Thạc sỹ	KTTNN
11	Tạ Thị Diệp	Đại học	KTTNN
12	Cựu Văn Quê	Đại học	KTTNN
13	Vũ Minh Tuấn	Đại học	KTTNN
14	Vũ Thị Kim Dung	Đại học	KTTNN
15	Trần Minh Hải	Đại học	KTTNN
II	Chuyên ngành công trình		
1	Bùi Anh Dũng	Thạc sỹ	Phó Viện Trưởng - Xưởng trưởng thiết kế 1, Công trình
2	Đỗ Xuân Tình	Thạc sỹ	Phó Viện Trưởng, Công trình
3	Đoàn Văn Hướng	Thạc sỹ	GĐ Trung tâm TV&CGCN, Công trình
4	Bùi Ngọc Anh	Thạc sỹ	Trưởng Phòng ĐT&KHCN, Công trình
5	Đinh Xuân Anh	Thạc sỹ	Trưởng Phòng TCHC kiêm Trưởng phòng TNTH, Công trình
6	Trần Văn Vững	Thạc sỹ	GĐ chi nhánh Lâm Đồng, Công trình
7	Đặng Khoa Thi	Thạc sỹ	PGĐ chi nhánh Bình Định, Công trình
8	Đỗ Văn Lượng	Tiến sĩ	Công trình



TT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chức danh, nghề nghiệp
9	Hoàng Minh Dũng	Tiến sĩ	Công trình
10	Nguyễn Thế Thành	Thạc sỹ	Công trình
11	Vũ Thị Mến	Đại học	Công trình
12	Phạm Huy Thanh	Thạc sỹ	Công trình
13	Bùi Văn Quang	Đại học	Công trình
14	Nguyễn Thị Minh Xuân	Đại học	Công trình
15	Nguyễn Đình Vinh	Đại học	Công trình
16	Lưu Văn Kiên	Đại học	Công trình
17	Đỗ Thị Huyên	Đại học	Công trình
18	La Nhật Toàn	Đại học	Công trình
19	Nguyễn Lê Quốc Huy	Đại học	Công trình
20	Lê Thị Phượng	Đại học	Công trình
21	Hoàng Văn Tuấn	Đại học	Công trình
22	Đào Ngọc Toàn	Đại học	Công trình
23	Phạm Quang Hưng	Đại học	Công trình
24	Lê Đình Sỹ	Đại học	Công trình
25	Phạm Ngọc Hiểu	Đại học	Công trình
26	Thái Văn Sỹ	Đại học	Công trình
27	Hoàng Đình Giáp	Thạc sỹ	Công trình
28	Nguyễn Thị Thanh Vân	Đại học	Công trình
29	Nguyễn Thị Thu Trang	Đại học	Công trình
30	Lê Đình Văn	Đại học	Công trình
31	Phạm Phú	Đại học	Công trình
32	Lê Xuân Khiêm	Đại học	Công trình
33	Bùi Trọng Hiển	Đại học	Công trình
34	Nguyễn Ngọc Hưng	Đại học	Công trình
35	Hoàng Quốc Xuyên	Thạc sỹ	Công trình
36	Vũ Trọng Huân	Đại học	Công trình
37	Lê Thị Giang	Đại học	Công trình
38	Trần Thanh Châm	Trung cấp	Công trình
39	Lê Đức Hưng	Đại học	Công trình
40	Mai Văn Thắng	Đại học	Công trình
III	Các Chuyên ngành khác		
1	Phan Tiên Dũng	Đại học	Trưởng phòng Tài chính KT, Quản trị kinh doanh
2	Nguyễn Thị Sen	Đại học	PGD chi nhánh Lâm Đồng, Kinh tế thủy lợi
3	Hoàng Minh Khanh	Thạc sỹ	KT cơ sở hạ tầng



TT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chức danh, nghề nghiệp
4	Nguyễn Văn Thành	Đại học	KT cơ sở hạ tầng
5	Trương Ngọc Ý	Thạc sỹ	KT cơ sở hạ tầng
6	Nguyễn Đình Châu	CNKT	Cơ điện
7	Nguyễn Đăng Cường	Tiến sĩ	Cơ khí
8	Nguyễn Đình Trọng	Thạc sỹ	Địa chất công trình
9	Thiều Quốc Duy	Đại học	Xây dựng cầu đường
10	Lèn Hà Bảo Ngọc	Công nhân	Địa hình
11	Ngô Xuân Cao	Công nhân	Địa hình
12	Đặng Trần Tuân	Công nhân	Địa hình
13	Vũ Đình Phụng	Tiến sĩ	Giao thông
14	Mai Sinh Lộc	Đại học	Giao thông
15	Phí Ngọc Thanh	Trung cấp	Thí nghiệm vật liệu đường bộ
16	Phạm Văn Vũ	Trung cấp	Quản lý đất đai
17	Hoàng Nguyễn Quỳnh Trâm	Đại học	Quản lý đất đai
18	Vũ Đức Diệp	Thạc sỹ	Thủy văn
21	Nguyễn Khắc Thanh	Đại học	Trắc địa
22	Nguyễn Tân Tình	Cao đẳng	Trắc địa
23	Phùng Xuân Diệp	Đại học	Trắc địa mỏ
24	Đoàn Thu Thủy	Trung cấp	Kế toán
25	Đỗ Thị Thu Lê	Đại học	Kế toán
26	Trần Thanh Huyền	Đại học	Kế toán
27	Hà Thị Nhung	Đại học	Kế toán
28	Võ Công Tuấn	CNKT	Lái xe
29	Nguyễn Thanh Hải	CNKT	Lái xe
30	Trần Đình Dương	CNKT	Lái xe
31	Đỗ Thị Thảo Phương	Đại học	Anh văn
32	Phan Thị Thúy	Công nhân	VT, HC
33	Hà Thị Tuyết	Công nhân	VT, HC
34	Nguyễn Thị Thủy	Công nhân	VT, HC
35	Phan Thị Anh Thư	Công nhân	VT, HC



C. Phụ lục 3.3

Đội ngũ chuyên gia tại Viện có đủ tư cách pháp nhân

T T	Họ và tên	Trình độ	CN thiết kế			CN giám sát			Đầu thầu và QL DA	Đ G X D	CN KS ĐH , ĐC	K Đ C L C T
			T L	GT - HTK T	XD - NS H	T L	GT - HTK T	XD - NS H				
1	Đỗ Văn Lượng	PGS. TS	x	x	x	x	x		x			
2	Bùi Anh Dũng	ThS	x	x	x	x	x					
3	Đỗ Cảnh Hào	ThS	x			x			x			
4	Mai Quang Khoát	ThS	x	x		x	x	x	x	x	x	
5	Đoàn Văn Hướng	ThS	x			x	x					x
6	Nguyễn Thé Thành	ThS	x			x						
7	Đinh Xuân Anh	ThS	x			x				x		x
9	Phạm Văn Vũ	TrC										x
10	Đỗ Xuân Tình	ThS	x	x	x	x	x		x	x		
11	Lưu Văn Kiên	KS	x			x			x			
12	Đỗ Thị Huyền	KS	x			x			x	x		
13	La Nhật Toàn	KS				x						
14	Hoàng Minh Khanh	ThS	x		x	x		x				
15	Phạm Văn Lý	ThS	x			x			x			
16	Nguyễn Lê Quốc Huy	KS	x			x						
17	Đào Ngọc Toàn	KS	x			x				x		
18	Hoàng Văn Tuấn	KS	x			x			x			
19	Hoàng Đình Thư	KS	x			x	x					
20	Nguyễn Lê Đình Huy	KS				x						
21	Nguyễn Khắc Thắng	KS										x
22	Nguyễn Đăng Cường	PGS. TS				Chứng chỉ TK cơ khí công trình thủy lợi						
23	Vũ Đức Diệp	ThS	x									
24	Nguyễn Đình Trọng	ThS									x	
25	Vũ Đình Phụng	GS.TS		x								
26	Phùng Xuân Diệp	KS									x	
27	Trần Văn Vững	ThS	x			x			x			x
28	Nguyễn Thị Sen	KS	x			x			x	x		
29	Đặng Khoa Thi	ThS	x			x			x	x		
30	Hoàng Đình Giáp	KS	x		x	x			x	x		
31	Nguyễn Thị Thanh Vân	KS	x			x			x			



T T	Họ và tên	Trình độ	CN thiết kế			CN giám sát			Đầu thầu và QL DA	Đ G X D	CN KS ĐH , ĐC	K Đ C L C T
			T L	GT - HTK T	XD - NS H	T L	GT - HTK T	XD - NS H				
32	Nguyễn Thị Thu Trang	KS	x			x			x	x		
33	Phạm Quang Mạnh	ThS	x			x			x			
34	Lê Đình Văn	KS	x			x						
35	Hồ Hữu Luận	KS	x			x						
36	Nguyễn Quốc Thanh	KS	x			x						
37	Nguyễn Văn Thành	KS			x				x			
38	Phạm Phú	KS				x						
39	Lê Xuân Khiêm	KS	x			x						
40	Bùi Trọng Hiển	KS	x			x						
41	Nguyễn Ngọc Hưng	KS	x						x			
42	Hoàng Quốc Xuyên	TS	x			x						
43	Vũ Trọng Huân	KS	x	x	x	x	x	x	x	x		
44	Nguyễn Công Thành	KS	x			x	x		x	x		
45	Nguyễn Thanh Toàn	ThS	x	x		x	x	x				

D. Phụ lục 3.4

Đội ngũ chuyên gia chính thực hiện công tác chuyên môn
trong phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Họ và tên	Trình độ	Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Xác định các tính chất cơ lý bê tông và vật liệu xây dựng	Xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường	Phương pháp thử các tính chất cơ- lý vật liệu kim loại và vật liệu hàn	Thí nghiệm vật liệu đường bộ
1	Đinh Xuân Anh	ThS	x	x	x	x	x
2	Đỗ Thị Thu Lê	CN		x	x	x	x
3	Hoàng Trọng Thuận	KS		x	x	x	x
4	Lê Đình Sỹ	KS	x	x	x	x	x
5	Đào Ngọc Khoa	TrC		x			
6	Phí Ngọc Thanh	TrC					x



E. Phụ lục 3.5

Danh sách chuyên gia cộng tác trường ĐH Thủy lợi tham gia kiêm nhiệm tại Viện

TT	Họ và tên	Trình độ, chức danh khoa học	Chức danh nghề nghiệp đang làm
(1)	(2)	(3)	(4)
I. Chuyên ngành Thuỷ công			
1	Phạm Ngọc Quý	GS.TS	Phó Hiệu trưởng
2	Nguyễn Chiến	GS.TS	Nguyên CN Khoa Công trình
3	Ngô Tri Viêng	GS.TS	Nguyên Phó hiệu Trưởng
4	Nguyễn Văn Mạo	GS.TS	Nguyên CN Khoa Công trình
5	Nguyễn Văn Hạnh	PGS.TS	Nguyên trưởng BM Thuỷ công
6	Nguyễn Cảnh Thái	PGS.TS	Trưởng BM Thuỷ công
7	Nguyễn Quang Hùng	PGS.TS	Phó trưởng BM Thuỷ công
8	Nguyễn Quyền	PGS.TS	Giảng viên BM Thuỷ công
9	Nguyễn Trung Việt	PGS.TS	Giảng viên BM Thuỷ công
10	Lê Xuân Khâm	Tiến sĩ	Giảng viên BM Thuỷ công
11	Lê Thanh Hùng	Tiến sĩ	Giảng viên BM Thuỷ công
12	Lê Văn Thịnh	Thạc sĩ	Giảng viên BM Thuỷ công
13	Nguyễn Hoàng Long	Thạc sĩ	Giảng viên BM Thuỷ công
14	Nguyễn Khắc Xưởng	Thạc sĩ	Giảng viên BM Thuỷ công
15	Lê Hoà Xướng	Thạc sĩ	Giảng viên BM Thuỷ công
II. Chuyên ngành Thi công			
1	Vũ Thanh Te	GS.TS	Phó Hiệu trưởng
2	Lê Kim Truyền	GS.TS	Nguyên Hiệu Trưởng
3	Hồ Sĩ Minh	GS.TS	Giảng viên BM CN&QLXD
4	Lê Đình Chung	PGS.TS	Nguyên phó CN khoa CT
5	Bùi Văn Vịnh	PGS.TS	Nguyên Phó BM CN&QLXD
6	Lê Văn Hùng	PGS.TS	Trưởng phòng KHCN
7	Nguyễn Trọng Tư	PGS.TS	Trưởng BM CN&QLXD
8	Nguyễn Quang Cường	Tiến sĩ	Phó Trưởng BM CN&QLXD
9	Nguyễn Hữu Hué	Tiến sĩ	Phó CN khoa Công trình
10	Lê Xuân Roanh	PGS.TS	Giảng viên BM CN&QLXD
11	Đỗ Văn Toán	Tiến sĩ	Giảng viên BM CN&QLXD
12	Dương Đức Tiên	Tiến sĩ	Giảng viên BM CN&QLXD
13	Đinh Thế Mạnh	Thạc sĩ	Giảng viên BM CN&QLXD



TT	Họ và tên	Trình độ, chức danh khoa học	Chức danh nghề nghiệp đang làm
14	Lê Anh Tuấn	Thạc sĩ	Giảng viên BM CN&QLXD
15	Mai Anh Tuấn	Thạc sĩ	Giảng viên BM CN&QLXD

III. Chuyên ngành Thuỷ điện

1	Hồ Sĩ Dự	PGS.TS	Nguyên CN khoa Năng lượng
2	Lê Công Thành	PGS.TS	CN khoa Năng lượng
3	Nguyễn Văn Sơn	Tiến sĩ	Phó trưởng khoa Năng lượng
4	Lê Ngọc Sơn	Tiến sĩ	Phó trưởng BM Thuỷ điện
5	Trần Anh Dũng	Thạc sĩ	Giảng viên BM Thuỷ điện

IV. Chuyên ngành Thuỷ nông - Trạm bơm

1	Bùi Hiếu	GS.TS	Giảng viên BM Thuỷ nông
2	Lê Chí Nguyên	GS.TS	Phó Trưởng khoa KTTNN
3	Phạm Việt Hoà	PGS.TS	Trưởng BM KTTNN
4	Phạm Ngọc Hải	PGS.TS	Giảng viên BM KTTNN
5	Nguyễn Văn Tính	PGS.TS	Giảng viên BM KTTNN
6	Nguyễn Đăng Tính	PGS.TS	Giảng viên BM KTTNN
7	Nguyễn Tuấn Anh	PGS.TS	Trưởng BM KTHT&PTNT
8	Nguyễn Tiến Thái	Thạc sĩ	Giảng viên BM Trạm bơm
9	Lưu Văn Quân	Thạc sĩ	Giảng viên BM Trạm bơm

V. Chuyên ngành Thuỷ văn- Môi trường

1	Đỗ Tất Túc	PGS.TS	Nguyên trưởng khoa Th.Văn
2	Lê Văn Nghinh	PGS.TS	Nguyên Phó Khoa Thuỷ Văn
3	Hà Văn Khối	GS.TS	Nguyên trưởng BM T. Văn CT
4	Đoàn Trung Lưu	PGS.TS	G. Viên BM T. Văn công trình
5	Phạm Thị Hương Lan	PGS.TS	CN khoa TV và TNN
6	Hoàng Thanh Tùng	Tiến sĩ	Trưởng BM TV và TNN
7	Nguyễn Mai Đăng	Tiến sĩ	G. Viên BM TV và TNN
8	Nguyễn Bá Quỳ	PGS.TS	Giảng viên BM KTS&QLTT
9	Phạm Thanh Hải	Tiến sĩ	Phó trưởng BM KTS&QLTT
10	Nguyễn Văn Sỹ	Thạc sĩ	Trưởng BM Môi trường
11	Phạm Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ	Phó Trưởng BM Môi trường

VI. Chuyên ngành Thuỷ lực

1	Hồ Việt Hùng	PGS.TS	Trưởng BM Thuỷ lực
2	Nguyễn Thu Hiền	PGS.TS	Phó Trưởng BM Thuỷ lực



TT	Họ và tên	Trình độ, chức danh khoa học	Chức danh nghề nghiệp đang làm
3	Lê Văn Uớc	PGS.TS	G.Viên BM Thủy lực
4	Nguyễn Tôn Quyền	Tiến sĩ	Chuyên gia Thuỷ lực
5	Vũ Đại Nguyên	Thạc sĩ	Chuyên gia Thuỷ lực
6	Nguyễn Văn Sơn	Kỹ sư	G.Viên BM Thủy lực

VII. Chuyên ngành Kết cấu - Sức bền Vật liệu

1	Phạm Ngọc Khánh	PGS.TS	Chuyên gia Sức bền kết cấu
2	Đỗ Văn Hύa	PGS.TS	Nguyên Phó Hiệu trưởng
3	Trần Mạnh Tuân	PGS.TS	Trưởng BM Kết cấu C.trình
4	Trương Quốc Bình	Thạc sĩ	P.Trưởng BM Kết cấu C.trình
5	Lý Trường Thành	Tiến sĩ	Trưởng BM Sức bền kết cấu
6	Nguyễn Ngọc Thắng	Tiến sĩ	P.Trưởng BM Sức bền kết cấu

VIII. Chuyên ngành Vật liệu Xây dựng

1	Nguyễn Quang Phú	Tiến sĩ	Giảng viên BM VLXD
2	Vũ Quốc Vương	Tiến sĩ	Trưởng BM VLXD

IX. Chuyên ngành Địa chất - Cơ học đất - Nền móng

1	Trịnh Minh Thủ	PGS.TS	Trưởng BM Địa+Cơ+N.móng
2	Hoàng Việt Hùng	Thạc sĩ	Phó BM Địa+Cơ+N.móng
3	Trần Thế Việt	Thạc sĩ	G.viên BM Địa+Cơ+N.móng
4	Nguyễn Việt Quang	Thạc sĩ	G.viên BM Địa+Cơ+N.móng
5	Nguyễn Công Đán	Kỹ sư	Chuyên ngành DC công trình
6	Nguyễn Tân Sơn	Kỹ sư	Chuyên ngành DC công trình

X. Chuyên ngành Trắc địa

1	Hoàng Xuân Thành	PGS.TS	Trưởng BM Trắc địa
2	Lê Xuân Thuỷ	Kỹ sư	Phó trưởng BM Trắc địa
3	Nguyễn Viết Khiêm	Kỹ sư	Giảng viên-BM Trắc địa
4	Phùng Xuân Địệp	Kỹ sư	Chuyên gia Trắc địa

XI. Chuyên ngành Kinh tế Thuỷ lợi

1	Nguyễn Bá Uân	PGS.TS	Trưởng khoa Kinh tế
2	Nguyễn Trung Dũng	PGS.TS	Phó khoa Kinh tế
3	Ngô Thị Thanh Vân	PGS.TS	Trưởng BM Kinh tế
4	Đô Văn Quang	TS	Phó Trưởng BM Kinh tế

XII. Chuyên ngành Kỹ thuật điện

1	Lê Công Thành	PGS.TS	Trưởng BM Điện kỹ thuật
---	---------------	--------	-------------------------



TT	Họ và tên	Trình độ, chức danh khoa học	Chức danh nghề nghiệp đang làm
2	Lê Trung Dũng	TS	Phó BM Điện kỹ thuật
XIII. Chuyên ngành Cơ khí- Máy xây dựng			
1	Nguyễn Đăng Cường	PGS.TS	Nguyên CN khoa Cơ khí
2	Vũ Minh Khương	PGS.TS	Trưởng khoa Cơ khí
3	Bùi Văn Xuyên	Kỹ sư	G.viên BM Máy xây dựng
4	Nguyễn Đình Tân	PGS.TS	Trưởng BM CN cơ khí
5	Hoàng Đức Bằng	TS	Phó Trưởng BM CN cơ khí